

**DANH SÁCH SINH VIÊN XÉT MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
NĂM HỌC 2020-2021**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ/ĐHDT ngày 08 tháng 01 năm 2021)

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
ĐỐI TƯỢNG 1: Sinh viên thuộc xa đặc biệt khó khăn theo quyết định của Chính phủ và SV thuộc diện hộ cận nghèo trong năm.											
1	Huỳnh Lan Vi	Kế Toán	2320714500	K23KKT2	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND phường Hòa Xuân ngày 01/01/2020.	Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	3.23	Khá	1,200,000		
2	Nguyễn Thị Huyền	Kế Toán	2320259837	K23KKT3	Xã miền núi có xác nhận của UBND TT Lao Bảo 15/09/2020.	Lao Bảo, Hướng Hóa, Quảng Trị	3.10	Xuất Sắc	800,000		
3	Lê Thị Khánh Huyền	Kế Toán	2320262227	K23KDN4	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Cư Né ngày 18/09/2020.	Cư Né, Krông Bút, Đắk Lắk	2.84	Tốt	800,000		
4	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế Toán	24203109983	K24KKT1	Xã đặc biệt khó khăn, miền núi có xác nhận của UBND huyện Lộc Hà ngày 17/09/2020.	Hồng Lộc, Lộc Hà, Hà Tĩnh	3.55	Xuất Sắc	1,200,000		
5	Dương Thị Kiều Oanh	Kế Toán	25202509561	K25KKT2	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Ân Nghĩa năm 2020.	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	3.41	Xuất Sắc	1,200,000		
6	Nguyễn Thị Yến Chi	Kế Toán	2320255388	K23KDN1	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo có xác nhận của UBND xã An Ninh Tây ngày 11/09/2020.	An Ninh Tây, Tuy An, Phú Yên	2.90	Tốt	800,000		
7	Phạm Thị Thu Hiền	Kế Toán	2320262224	K23KDN3	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Tân Lập năm 2020.	Tân Lập, Krông Buk, Đắk Lắk	3.01	Tốt	800,000		
8	Triệu Thị Thanh Thảo	Kế Toán	2320263534	K23KDN3	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Tiên Mỹ năm 2020.	Tiên Mỹ, Tiên Phước, Quảng Nam	2.91	Tốt	800,000		
9	Hồ Thị Thảo Giang	Kế Toán	25202508718	K25KKT3	Xã đặc biệt khó khăn, miền núi có xác nhận của UBND xã layok ngày 15/09/2020.	Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	3.17	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
10	Phạm Thị Kim Chi	QTKD	2320289938	K23QTD	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Trà Bình ngày 25/12/2019.	Trà Bình, Trà Bồng, Quảng Ngãi.	2.57	Tốt	800,000		
11	Hoàng Văn Dũng	QTKD	24212216828	K24QTM3	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND phường 1 năm 2020.	Phường 1, Đông Hà, Quảng Trị	2.48	Tốt	800,000		
12	Phạm Đỗ Quỳnh	QTKD	25203715928	K25QTM2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo có xác nhận của UBND xã Tam Hải ngày 15/09/2020.	Tam Hải, Núi Thành, Quảng nam.	3.67	Xuất Sắc	1,200,000		
13	Đỗ Thị Bích Ngà	QTKD	24202102713	K24QTH6	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Trà Bình ngày 02/01/2020.	Trà Bình, Trà Bồng, Quảng Ngãi.	2.91	Tốt	800,000		
14	Lê Thị Bông	QTKD	25202416256	K25QNH1	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo có xác nhận của UBND xã Mỹ Thành ngày 15/09/2020.	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	3.73	Tốt	1,200,000		
15	Trương Thị Kỳ Duyên	QTKD	23202711477	K23QNT	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo có xác nhận của UBND xã Phô Khánh ngày 15/09/2020.	Phô Khánh, Đức Phổ, Quảng Ngãi	3.60	Xuất Sắc	1,200,000		
16	Nguyễn Thị Thu Hiền	QTKD	25204709646	K25QTH2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo có xác nhận của UBND xã Mỹ An ngày 21/04/2020.	Mỹ An, Phù Mỹ, Bình Định	3.23	Tốt	1,200,000		
17	Nguyễn Thị Hiền	QTKD	24202115251	K24QTM2	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Tịnh Hà ngày 24/09/2020.	Tịnh Hà, Sơn Tịnh Quảng Ngãi.	3.13	Tốt	800,000		
18	Ngô Trung Quý	QTKD	2321216149	K23QNT	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo có xác nhận của UBND xã Bình Hải ngày 24/09/2020.	Bình Hải, Bình Sơn, Quảng Ngãi	3.27	Tốt	1,200,000		
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	QTKD	23202111732	K23QTH4	Xã miền núi có xác nhận của UBND xã Đại Tân ngày 20/10/2020.	Đại Tân, Đại Lộc, Quảng Nam	3.59	Tốt	1,200,000	r	
20	Trần Thị Na	QTKD	25202817094	K25QTD2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Triệu Độ ngày 17/09/2020.	Triệu độ, Triệu Phong, Quảng Trị	3.26	Tốt	1,200,000		
21	Cao Thị Hương Giang	QTKD	25202817257	K25QTD2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Đào ngày 17/09/2020.	Bình Đào, Thăng Bình, Quảng nam.	3.54	Xuất Sắc	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
22	Trương Thị Thu Na	QTKD	25202104581	K25QTH7	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND phường Nghĩa Lộ ngày 06/10/2020.	Phường Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	3.30	Xuất Sắc	1,200,000		
23	Phan Nguyễn Tú Uyên	QTKD	25202107933	K25QLC2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Phú Xuân ngày 16/09/2020.	Phú Xuân, Phú Vang, TT Huế	3.16	Tốt	800,000		
24	Đào Thị An Bình	QTKD	25202100357	K25QTH5	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Krông Na ngày 17/09/2020.	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk.	3.27	Giỏi	1,200,000		
25	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	QTKD	25202208558	K25QTM5	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Yang Reh ngày 18/09/2020	Yang Reh, Krông Bông, Đắk Lắk	3.25	Tốt	1,200,000		
26	Phạm Thu Hằng	QTKD	25202203232	K25QTH2	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Ea Huar ngày 16/09/2020.	Ea Huar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	2.93	Tốt	800,000		
27	Võ Thị Hồng Hạnh	QTKD	23202412393	K23QNH	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Bình Kiến năm 2020.	Bình Kiến, Tuy Hòa, Phú yên	3.88	Xuất Sắc	1,200,000		
28	Trần Thị Nguyệt Linh	QTKD	2320215363	K23QTH8	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Bình Quý ngày 10/01/2020.	Bình Quý, Thăng Bình, Quảng Nam	3.43	Tốt	1,200,000		
29	Nguyễn Thị Sự	QTKD	24202112780	K24QTH8	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Đông ngày 17/09/2020.	Bình Đông, Bình Sơn, Quảng Ngãi	2.29	Tốt	800,000		
30	Nguyễn Thị Thúy Phương	QTKD	23202110661	K23QTH4	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Chánh ngày 20/09/2020.	Bình Chánh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	3.10	Tốt	800,000		
31	Trần Thị Hiếu Kiên	QTKD	24202110710	K24HP QTM	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Ia Yok ngày 15/09/2020.	Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	3.26	Xuất Sắc	1,200,000		
32	Nguyễn Hồng Đặng	QTKD	25212116379	K25QTH2	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND TT Vĩnh Thạnh ngày 18/09/2020.	TT Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định.	3.34	Tốt	1,200,000		
33	Lê Nguyễn Văn Vũ	QTKD	24212101784	K24QTH7	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Xuân Phương ngày 21/10/2020.	Xuân Phương, Sông Cầu, Phú Yên	2.60	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
34	Trần Thị Diệp	QTKD	24202207832	K24HP QTM	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Cát Minh ngày 30/09/2020.	Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	3.40	Xuất Sắc	1,200,000	r	
35	Lê Văn Huy	QTKD	25217205771	K25QTH2	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND Phường 5 ngày 02/01/2020.	Phường 5, Đông Hà, Quảng Trị	2.98	Xuất Sắc	800,000		
36	Vũ Thùy Trang	QTKD	24202715815	K24QNT2	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Kông Htok ngày 15/09/2020	Kông Htok, Chư Sê, Gia Lai	3.15	Tốt	800,000		
37	Phạm Thị Hoài Thương	QTKD	25202116607	K25QTH5	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Triệu Thành ngày 02/01/2020.	Triệu Thành, Triệu Phong, Quảng Trị	3.28	Tốt	1,200,000		
38	Võ Trần Bảo Hân	QTKD	2320716788	K24QNT	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Tam Hải ngày 17/09/2020.	Tam Hải, Núi Thành, Quảng nam.	2.95	Khá	800,000		
39	Trần Thị Dung	QTKD	24202109224	K24HP QTM	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Ea Hồ ngày 15/09/2020	Ea Hồ, Krông Năng, Đắk Lắk	2.96	Tốt	800,000		
40	Võ Đình Tiến	QTKD	25212104485	K25QTH5	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND Phường 5 năm 2020.	Phường 5, Đông Hà, Quảng Trị	2.32	Tốt	800,000		
41	Nguyễn Thúy An	QTKD	25202209287	K25QTM3	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND Huyện Bình Sơn ngày 01/10/2020	Bình Thạnh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	3.75	Tốt	1,200,000		
42	Lê Thị Phương	QTKD	25202113672	K25QTH11	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Đại Chánh năm 2020.	Đại Chánh, Đại Lộc, Quảng Nam	2.92	Xuất Sắc	800,000		
43	Đoàn Văn Lái	QTKD	24212101630	K24QTH7	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Xuân Phương ngày 22/10/2020.	Xuân Phương, Sông Cầu, Phú Yên	2.60	Tốt	800,000		
44	Nguyễn Thị Thúy Hiền	Viện DL	2320714849	K23DLK2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Lộc Trì ngày 17/10/2020.	Lộc Trì, Phú Lộc, TT Huế.	2.85	Tốt	800,000		
45	Nguyễn Thị Linh Tâm	Viện DL	25207204236	K25DLK16	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Hải 08/10/2020.	Bình Hải, Thăng Bình, Quảng Nam	3.33	Tốt	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
46	Nguyễn Thị Lệ Thi	Viện DL	24202205646	K24DLK16	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Hải 30/10/2020.	Bình Hải, Thăng Bình, Quảng Nam	3.04	Tốt	800,000		
47	Trần Thị Hân	Viện DL	24207205742	K24DLK10	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Đào ngày 19/10/2020.	Bình Đào, Thăng Bình, Quảng Nam.	2.79	Tốt	800,000		
48	Trần Thị Ái Nhi	Viện DL	24207108097	K24PSU DLK6	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Cát Minh ngày 15/09/2020.	Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	3.51	Tốt	1,200,000		
49	Trương Thị Bảo Chân	Viện DL	25207100846	K25PSU DLK16	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Tam Hải ngày 25/09/2020.	Tam Hải, Núi Thành, Quảng nam.	2.04	Tốt	800,000		
50	Hoàng Thị Trâm	Viện DL	25207102392	K25DLK12	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND TT Xuân Lộc ngày 01/01/2020.	Xuân Lộc, Cam Lộc, Hà Tĩnh.	2.54	Tốt	800,000		
51	Nguyễn Trần Thuận Vân	Viện DL	25207215418	K25DLL9	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Canh Hòa ngày 27/10/2020.	Canh Hòa, Vân Canh, Bình Định.	2.96	Tốt	800,000		
52	Trần Thị Thu Nga	Viện DL	25207105536	K25DLK16	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Triệu Độ ngày 15/09/2020.	Triệu Độ, Triệu Phong, Quảng Trị.	3.29	Tốt	1,200,000		
53	Lê Ngọc Trang	Viện DL	25207116954	K25DLK25	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Thạch Hóa ngày 06/10/2020.	Thạch Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình.	2.91	Tốt	800,000		
54	Nguyễn Hải Đăng	Viện DL	25217211280	K25DLL10	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Mỹ Thắng ngày 19/10/2020.	Mỹ Thắng, Phù Mỹ, Bình Định.	2.54	Tốt	800,000		
55	Đặng Thị Như Quỳnh	Viện DL	25207207329	K25DLL10	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND TT Ái Nghĩa ngày 05/02/2020.	Ái Nghĩa, Đại Lộc, Quảng Nam.	3.84	Xuất Sắc	1,200,000		
56	Phạm Thị Thanh Tâm	Viện DL	25207107423	K25DLK7	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND TT Đông Phú.	Đông Phú, Quế Sơn, Quảng Nam.	3.08	Tốt	800,000		
57	Hồ Thị Mai Phương	Viện DL	25207213660	K25PSU DLK9	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Nam ngày 17/09/2020.	Bình Nam, Thăng Bình, Quảng Nam.	3.11	Khá	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
58	Đỗ Thị Thùy Trang	Viện DL	25207100476	K25DLK14	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Ân Nghĩa ngày 18/09/2020.	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	3.01	Tốt	800,000		
59	Bùi Thị Khánh	Viện DL	2320716758	K23DLL1	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Buôn Triết ngày 14/01/2020..	Buôn Triết, Lăk, Đăk Lăk	3.22	Tốt	1,200,000		
60	Mai Thị Thảo Trình	Viện DL	2320716733	K23DLK5	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Tam Hải ngày 23/09/2020.	Tam Hải, Núi Thành, Quảng nam.	2.27	Tốt	800,000		
61	Nguyễn Lê Kiều Duyên	Viện DL	25207207865	K25DLL8	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Bình Tân ngày 17/09/2020.	Bình Tân, Tây Sơn, Bình Định.	3.66	Xuất Sắc	1,200,000		
62	Nguyễn Thị Hiền	Viện DL	24207104875	K24DLK15	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND TT Lệ Ninh ngày 15/09/2020.	Lệ Ninh, Lệ Thủy, Quảng Bình.	2.92	Tốt	800,000		
63	Nguyễn Thị Nghĩa	Viện DL	24207211776	K24PSU DLK1	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Hòa Lễ ngày 05/01/2020.	Hòa Lễ, Krông Bông, Đăk Lăk	3.76	Tốt	1,200,000		
64	Mạc Thị Mận	Viện DL	24207203852	K24DLL2	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Hương Vinh ngày 01/01/2020.	Hương Vinh, Hương Trà, TT Huế	3.35	Xuất Sắc	1,200,000		
65	Đặng Mỹ Hậu	Viện DL	25207211619	K25DLL10	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Mỹ Thành ngày 29/09/2020.	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	3.56	Tốt	1,200,000		
66	Hà Kiều Oanh	Viện DL	25207213525	K25DLL10	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Lơ Pang ngày 07/01/2020.	Lơ Pang, Mang Yang, Gia Lai	2.66	Tốt	800,000		
67	Lữ Văn Thêm	Viện DL	23217111103	K23DLK9	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Hòa Lễ ngày 05/01/2020.	Hòa Lễ, Krông Bông, Đăk Lăk	3.81	Tốt	1,200,000		
68	Trần Thị Thanh Thao	Viện DL	24207108045	K24DLK12	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Đức Chánh ngày 18/09/2020.	Đức Chánh, Mộ Đức, Quảng Ngãi.	3.29	Tốt	1,200,000		
69	Trần Hoàng Thanh Tuyền	Viện DL	24207214422	K24DLK3	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND TT Chí Thanh ngày 15/09/2020.	Chí Thanh, Tuy An, Phú Yên	3.61	Tốt	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
70	Nguyễn Thị Thanh Vân	Viện DL	24207102128	K24DLK14	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Ea Bông năm 2020.	Ea Bông, Krông A Na, Đắk Lắk	2.98	Tốt	800,000		
71	Lê Diệu Huyền	Viện DL	25207102624	K25DLK15	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Gio Mai.	Gio Mai, Gio Linh, Quảng Trị.	2.58	Tốt	800,000		
72	Huỳnh Nhật Lâm	Viện DL	25217212352	K25DLK1	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND phường Mân Thái năm 2020.	Mân Thái, Sơn Trà, Đà Nẵng	3.53	Xuất Sắc	1,200,000		
73	Nguyễn Phương Thảo	Viện DL	25207105516	K25DLK14	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND TT Vĩnh Thạnh ngày 17/09/2020.	TT Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định.	3.25	Tốt	1,200,000		
74	Trần Thị Huệ Mẫn	Viện DL	25207212745	K25DLK22	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Tây Phú ngày 16/09/2020.	Tây Phú, Tây Sơn, Bình Định	3.96	Xuất Sắc	1,200,000		
75	Phan Thị Phương Thảo	Viện DL	24203502666	K24PSU DLK6	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND Phường 5 ngày 02/01 2020.	Phường 5, Đông Hà, Quảng Trị	3.77	Xuất Sắc	1,200,000		
76	Nguyễn Ngọc Ni Na	Viện DL	25203408947	K25PSU DLK10	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND Phường Vĩnh Điện năm 2020.	Vĩnh Điện, Điện Bàn, Quảng Nam	3.32	Tốt	1,200,000		
77	Hồ Như Tiên	Viện DL	25207204437	K25PSU DLK15	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Tam Hải ngày 15/09/2020.	Tam Hải, Núi Thành, Quảng nam.	2.30	Xuất Sắc	800,000		
78	Ngô Thị Kiều Trinh	Viện DL	25207200165	K25PSU DLK18	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Quế Trung ngày 15/09/2020.	Quế Trung, Nông Sơn, Quảng Nam.	3.82	Tốt	1,200,000		
79	Lê Thị Tường Vy	Viện DL	25202315562	K25PSU DLK17	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND TT Chợ Chùa năm 2020.	TT Chợ Chùa, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	3.46	Xuất Sắc	1,200,000		
80	Nguyễn Thị Thu Thiệt	Viện DL	25207116169	K25PSU DLK17	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Điện Tiến ngày 15/09/2020.	Điện Tiến, Điện Bàn, Quảng Nam	3.46	Tốt	1,200,000		
81	Nguyễn Thị Bích Trâm	Viện DL	23207111227	K23PSU DLH	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Hòa Lễ ngày 15/09/2020.	Hòa Lễ, Krông Bông, Đắk Lắk	3.56	Tốt	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
82	Dương Tùng Khương	Viện DL	23217110316	K24DLL4	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Trà Mai.	Trà Mai, Nam Trà My, Quảng Nam	3.21	Tốt	1,200,000		
83	Nguyễn Duy Quang	Viện DL	24217206211	K24DLL7	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Ea Bông năm 2020.	Ea Bông, Krông A Na, Đắk Lắk	2.42	Khá	800,000		
84	Huỳnh Thị Đào	Viện DL	25202402985	K25DLL5	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND phường Hòa Quý năm 2020.	Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.	3.56	Xuất Sắc	1,200,000		
85	Lâm Đức Dìn	Viện DL	25217210095	K25DLL1	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Đào ngày 17/09/2020.	Bình Đào, Thăng Bình, Quảng Nam.	3.24	Xuất Sắc	1,200,000		
86	Ng. Trần Phương Thảo	Viện DL	24206615856	K24DLK17	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Hải ngày 29/10/2020.	Bình Hải, Thăng Bình, Quảng Nam	3.85	Tốt	1,200,000		
87	Nguyễn Thị Kim Yến	Viện DL	23207110460	K23DLK12	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Hòa Phong ngày 16/09/2020.	Hòa Phong, Krông Bông, Đắk Lắk	3.40	Tốt	1,200,000		
88	Nguyễn Ngọc Anh Quỳnh	Viện DL	2320711637	K23PSU DLK6	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND phường Ba Ngòi	Ba Ngòi, Cam Ranh, Khánh Hòa	2.51	Tốt	800,000		
89	Lê Văn Trãi	CNTT	2321122527	K23TPM6	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Kim Thủy ngày 15/09/2020.	Kim Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	2.99	Tốt	800,000		
90	Nguyễn Hoài Linh	CNTT	24216105041	K24TPM10	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Đại Chánh ngày 17/10/2020	Đại Chánh, Đại Lộc, Quảng Nam	2.54	Tốt	800,000		
91	Nguyễn Duy Tuấn	CNTT	23211211434	K23TPM8	Khu vực miền núi có xác nhận của Công An xã Hòa Phong ngày 16/09/2020	Hòa Phong, Krông Bông, Đắk Lắk	2.65	Tốt	800,000		
92	Nguyễn Vĩnh Tiên	CNTT	24211213691	K24TPM1	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Ân Nghĩa ngày 16/09/2020.	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	3.13	Tốt	800,000		
93	Phạm Đức Bình	CNTT	25211905472	K25HP TBM2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Nam ngày 17/09/2020.	Bình Nam, Thăng Bình, Quảng Nam.	3.42	Tốt	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
94	Phan Thị Quý Như	CNTT	2320120358	K23TPM4	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Duy Vinh ngày 15/10/2020.	Duy Vinh, Duy Xuyên, Quảng Nam	3.63	Xuất Sắc	1,200,000		
95	Trần Văn Tuấn	CNTT	2321129885	K23TPM10	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Hải ngày 28/09/2020.	Bình Hải, Thăng Bình, Quảng Nam	2.63	Khá	800,000		
96	Phạm Thành Can	CNTT	24211200376	K24TPM8	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Xuân Phương ngày 01/10/2020.	Xuân Phương, Sông Cầu, Phú Yên	2.35	Tốt	800,000		
97	Vô Văn Tuấn	CNTT	24211401741	K24TTT	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Xuân Phương ngày 01/10/2020.	Xuân Phương, Sông Cầu, Phú Yên	2.78	Tốt	800,000		
98	Hoàng Anh Sỹ	CNTT	24211216317	K24TPM7	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Thạch Hóa ngày 15/09/2020.	Thạch Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình.	2.59	Khá	800,000		
99	Phan Vương Bảo	CNTT	25211216601	K25TPM8	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Đào ngày 29/09/2020	Bình Đào, Thăng Bình, Quảng Nam.	2.82	Xuất Sắc	800,000		
100	Nguyễn Phương Đông	CNTT	25211217215	K25TPM2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Đào ngày 19/10/2020	Bình Đào, Thăng Bình, Quảng Nam.	3.38	Xuất Sắc	1,200,000		
101	Phạm Thị Ban Ni	CNTT	25201217230	K25TPM4	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND Xã Dlieya năm 2020.	Dlieya, Krông Năng, Đắk Lắk	3.73	Xuất Sắc	1,200,000		
102	Hồ Thị Vân	CNTT	24201202197	K24TPM7	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Gio Hải ngày 21/09/2020.	Gio Hải, Gio Linh, Quảng Trị	3.34	Tốt	1,200,000		
103	Nguyễn Ngọc Đức	CNTT	25211211340	K24TPM1	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Mỹ Thành ngày 15/09/2020.	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	3.79	Xuất Sắc	1,200,000		
104	Nguyễn Văn Thắng	CNTT	25211208407	K25TPM11	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Đại Chánh ngày 15/10/2020	Đại Chánh, Đại Lộc, Quảng Nam	2.61	Tốt	800,000		
105	Cao Thị Kiều	Đ Dưỡng	2320519483	K23YDD1	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Mỹ Thắng ngày 02/10/2020.	Mỹ Thắng, Phù Mỹ, Bình Định.	3.33	Xuất Sắc	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
106	Lê Thị Mỹ Oanh	Đ Dường	24205101487	K24YDD5	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND phường 9 ngày 17/09/2020.	Phường 9, Tuy Hòa, Phú Yên	2.80	Tốt	800,000		
107	Võ Thị Thương	Đ Dường	25205101278	K25YDD3	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Hải ngày 15/09/2020.	Bình Hải, Bình Sơn, Quảng Ngãi	3.07	Tốt	800,000		
108	Trần Huỳnh Như	Đ Dường	2320519451	K23YDD1	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Mỹ Thành ngày 15/09/2020.	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	3.68	Xuất Sắc	1,200,000		
109	Doãn Thị Anh Thư	Đ Dường	2320512581	K23YDD1	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND phường Hòa Minh ngày 24/09/2020.	Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng	2.86	Xuất Sắc	800,000		
110	Nguyễn Tường Vy	Đ Dường	2320519529	K23YDD3	Vùng khó khăn có xác nhận của Công An huyện Vĩnh Thạnh ngày 15/09/2020.	Vĩnh Hảo, Vĩnh Thạnh, Bình Định	3.02	Xuất Sắc	800,000		
111	Võ Tường Vy	Đ Dường	25205108326	K25YDD1	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Quế Châu ngày 23/09/2020.	Quế Châu, Quế Sơn, Quảng Nam	3.12	Tốt	800,000		
112	Ngô Thị Miễn	Đ Dường	24205116023	K24YDD1	Khu vực vùng cao có xác nhận của UBND xã Ia Hrunng ngày 11/10/2020.	Ia Hrunng, Ia Grai, Gia Lai.	3.51	Giỏi	1,200,000		
113	Nguyễn Thị Hà	Đ Dường	24205105479	K24YDD4	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Ân Nghĩa ngày 16/09/2020.	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	2.80	Tốt	800,000		
114	Trần Thị Tâm	Đ Dường	25205101553	K25YDD1	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Kim Thủy ngày 05/10/2020.	Kim Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	3.18	Khá	800,000		
115	Hoàng Thị Ngọc Thư	Đ Dường	24205100890	K24YDD6	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND phường Trần Hưng Đạo ngày 01/01/2020.	Phường Trần Hưng Đạo, TP Quảng Ngãi.	2.14	Xuất Sắc	800,000		
116	Văn Nhật Mỹ	Đ Dường	25215117034	K25VJ YDD	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Mỹ An ngày 16/09/2020.	Mỹ An, Phù Mỹ, Bình Định	3.28	Tốt	1,200,000		
117	Nguyễn Đức Mạnh	Đ Dường	25215101596	K25YDD	Xã miền núi có xác nhận của UBND xã Triệu Thành ngày 17/09/2020..	Triệu Thành, Triệu Sơn, Thanh Hóa.	3.12	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
118	Trần Thị Huyền Trang	Đ Dường	24205113966	K24YDD	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Kim Thủy ngày 01/10/2020.	Kim Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	3.18	Tốt	800,000		
119	Lê Thị Kim Linh	Đ Dường	25205112441	K25YDD2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Mỹ Thành ngày 16/09/2020.	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	3.54	Xuất Sắc	1,200,000		
120	Võ Thị Kim Phụng	Đ Dường	2320513437	K23YDD5	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Đăk Liêng ngày 16/09/2020.	Đăk Liêng, Lăk, Đăk Lăk	2.90	Giỏi	800,000		
121	Phan Phạm Hồng Hạnh	Đ Dường	25205110526	K25YDD2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Mỹ Thành ngày 16/09/2020.	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	3.75	Tốt	1,200,000		
122	Trần Thị Kim Thoa	Đ Dường	25205101194	K25YDD2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã An Ninh Đông ngày 24/09/2020.	An Ninh Đông, Tuy An, Phú Yên	3.07	Tốt	800,000		
123	Lê Thùy Duyên	Đ Dường	24205115482	K24YDD	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND TT Hòa Hiệp Trung ngày 11/09/2017.	Hòa Hiệp Trung, Đông Hòa, Phú Yên.	3.34	Tốt	1,200,000		
124	Lê Đỗ Hoài Phương	Dược	2220528287	K22YDH2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND TT Khâm Đức ngày 15/09/2020.	TT Khâm Đức, Phước Sơn, Quảng Nam	3.55	Xuất Sắc	1,200,000	r	
125	Trịnh Hữu Tăng	Dược	2321529015	K23YDH6	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Tam Hải ngày 22/10/2020.	Tam Hải, Núi Thành, Quảng Nam	3.01	Tốt	800,000		
126	Võ Thị Kim Cúc	Dược	2320529203	K23YDH6	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Chánh ngày 21/09/2020.	Bình Chánh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	3.37	Tốt	1,200,000		
127	Bùi Thị Yến Nhạn	Dược	2320523866	K23YDH2	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Ân Nghĩa ngày 16/09/2020.	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	3.72	Tốt	1,200,000		
128	Phạm Thị Ái Vy	Dược	2220523145	K22YDH2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Chánh ngày 17/09/2020.	Bình Chánh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	3.81	Tốt	1,200,000		
129	Ngô Hồng Phương Duy	Dược	2320521382	K23YDH5	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Chư Ngọc ngày 20/09/2020.	Chư Ngọc, Krông Pa, Gia Lai	3.38	Xuất Sắc	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
130	Phạm Thị Nhung Sâm	Dược	2220523039	K22YDH7	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Phô Khánh ngày 15/09/2020.	Phô Khánh, Đức Phổ, Quảng Ngãi	3.52	Xuất Sắc	1,200,000		
131	Nguyễn Thị Yến Nhi	Dược	2220523097	K22YDH1	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Mỹ Thành ngày 15/09/2020.	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	3.18	Tốt	800,000		
132	Đỗ Thị Kim Tuyển	Dược	2220522818	K22YDH1	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND phường Hòa Phong.	Hòa Phong, Hòa Vang, Đà Nẵng.	3.75	Tốt	1,200,000		
133	Trần Thị Mỹ Thúy	Dược	23205212547	K23YDH8	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Ninh Tây ngày 07/09/2020.	Ninh Tây, Ninh Hòa, Khánh Hòa.	3.11	Tốt	800,000		
134	Dương Thị Thanh Diệu	Dược	2320529638	K23YDH3	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Ân Nghĩa ngày 15/09/2020.	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	3.83	Xuất Sắc	1,200,000		
135	Phạm Bích Hợp	Dược	2320519459	K23YDH8	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của xã An Ninh Tây ngày 19/07/2020.	An Ninh Tây, Tuy An, Phú Yên	2.99	Tốt	800,000		
136	Trần Thị Lan Anh	Dược	2320528950	K23YDH3	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã IaKa ngày 18/09/2020.	IaKa, Chư Păk, Gia Lai	3.59	Tốt	1,200,000		
137	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Dược	24205216091	K24YDH8	Khu vực 3 vùng khó khăn có xác nhận của UBND xã CuwElang ngày 16/09/2020.	Cư Elang, Eakar, Đắklăk.	3.63	Tốt	1,200,000		
138	Nguyễn Thị Bình Nhưông	Dược	24205215614	K24YDH7	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của xã Mỹ Thành ngày 15/09/2020.	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	3.34	Tốt	1,200,000		
139	Lê Thảo Nguyên	Dược	2220528424	K22YDH1	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND phường Thanh Bình.	Thanh Bình, Hải Châu, Đà Nẵng	3.74	Tốt	1,200,000		
140	Lê Thị Chung	Dược	2320529105	K23YDH5	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của xã An Ninh Đông ngày 11/09/2020.	An Ninh Đông, Tuy An, Phú Yên	3.34	Tốt	1,200,000		
141	Võ Trần Ngọc Thảo	Dược	24205206542	K24YDH7	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của xã Xuân Thịnh ngày 18/09/2020.	Xuân Thịnh, Sông Cầu, Phú Yên.	2.72	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
142	Nguyễn Thị Mến	Dược	2320523860	K23YDH10	Xã khó khăn có xác nhận của UBND xã Bình Thạnh ngày 07/10/2020.	Bình Thạnh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	2.46	Xuất Sắc	800,000		
143	Trần Quyết Tiến	Dược	2321529025	K23YDH7	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND phường Trường Chinh.	Trường Chinh, Kon Tum	3.50	Tốt	1,200,000		
144	Dương Thị Quới	Dược	25205209009	K25YDH2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND huyện Lý Sơn.	An Vĩnh, Lý Sơn, Quảng Ngãi .	3.50	Xuất Sắc	1,200,000		
145	Nguyễn Thị Bông	Dược	2220523138	K22YDH1	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Bình Chánh năm 2020.	Bình Chánh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	3.58	Tốt	1,200,000		
146	Lê Thị Tuyết	Dược	2120524729	K22YDH9	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Vinh Mỹ năm 2020.	Vinh Mỹ, Phú Lộc, TT Huế.	3.44	Tốt	1,200,000		
147	Đinh Thị Thoa	Dược	2320528982	K23YDH4	Xã miền núi có xác nhận của UBND xã Đại Tân ngày 20/10/2020.	Đại Tân, Đại Lộc, Quảng Nam	3.54	Xuất Sắc	1,200,000		
148	Nguyễn Thị Thu Hồng	Dược	2220522814	K22YDH7	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Tam Quan Nam ngày 02/01/2020.	Tam Quan Nam, Hoài Nhơn, Bình Định	3.26	Xuất Sắc	1,200,000		
149	Lương Thị Nhung	Dược	24205208490	K24YDH7	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND TT Ea Drang năm 2020.	Ea Drang, Ea H'Leo, Đắk Lắk	2.37	Tốt	800,000		
150	Huỳnh Dương Minh	Y	2121534401	K21YDK2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND Xã Ân Nghĩa ngày 16/09/2020.	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	3.68	Xuất Sắc	1,200,000		
151	Nguyễn Tấn Khải	Y	2221532365	K22YDK3	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã An Ninh Đông ngày 20/08/2020.	An Ninh Đông, Tuy An, Phú Yên	3.39	Xuất Sắc	1,200,000		
152	Lê Thị Trần Thùy	Y	25205314515	K25YDK2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Xuân Thịnh ngày 18/09/2020.	Xuân Thịnh, Sông Cầu, Phú Yên.	3.17	Tốt	800,000		
153	Võ Phạm Tú Ly	Y	25205412684	K25YDK1	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Xuân Thịnh ngày 18/09/2020.	Xuân Thịnh, Sông Cầu, Phú Yên.	3.68	Tốt	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
154	Đặng Ngọc Thuận	Y	24215313425	K24YDK4	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Chánh ngày 15/09/2020.	Bình Chánh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	2.70	Tốt	800,000		
155	Phan Lê Thiên Trang	Y	24205308067	K24YDK4	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã An Ninh Đông ngày 16/09/2020.	An Ninh Đông, Tuy An, Phú Yên	2.80	Tốt	800,000		
156	Nguyễn Thị Yến Nhi	Y	2320531623	K23YDK8	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Bình Thạnh ngày 16/10/2020.	Bình Thạnh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	3.39	Xuất Sắc	1,200,000		
157	Huỳnh Sinh Viên	Y	2221532363	K22YDK3	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Bình Sơn ngày 17/09/2020.	Bình Sơn, Hiệp Đức, Quảng Nam	3.19	Tốt	800,000		
158	Nguyễn Trà Giang	Y	2220532435	K22YDK2	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Tiền Phong ngày 04/11/2020.	Tiền Phong, Quế Phong, Nghệ An	3.39	Tốt	1,200,000		
159	Võ Văn Hùng	ĐTQT	2321122017	K23CMU TPM7	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Ia Ka ngày 23/09/2020.	Ia Ka, Chư Păh, Gia Lai	3.36	Xuất Sắc	1,200,000		
160	Trần Thị Thanh Thúy	ĐTQT	2320257504	K23PSU KKT2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Cát Minh ngày 18/09/2020.	Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	3.33	Tốt	1,200,000		
161	Nguyễn Thị Trung Nguyên	ĐTQT	24202101136	K24QTH2	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Đăk Liêng ngày 16/10/2020.	Đăk Liêng, Lăk, Đăk Lăk	3.53	Tốt	1,200,000		
162	Nguyễn Văn Sỹ	ĐTQT	25211216743	K25TPM3	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Ia Hla năm 2020.	Ia Hla, Chư Puh, Gia Lai	2.43	Tốt	800,000		
163	Đỗ Thị Phương Anh	ĐTQT	23202510951	K23PSU KKT1	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Tà Bhing ngày 16/09/2020.	Tà Bhing, Nam Giang, Quảng Nam	3.61	Xuất Sắc	1,200,000		
164	Phan Như Ý	ĐTQT	24207204961	K24PSU QTH3	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND phường 5 năm 2020.	Phường 5, Đông Hà, Quảng Trị.	3.41	Tốt	1,200,000		
165	Đinh Văn Khôi	ĐTQT	24211201815	K24CMU TPM7	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Triệu Độ ngày 17/09/2020.	Triệu Độ, Triệu Phong, Quảng Trị.	2.85	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
166	Đặng Hữu Quang	ĐTQT	24212101209	K24PSU QTH2	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Phú Xuân năm 2020.	Phú Xuân, Phú Vang, TT Huế	3.74	Xuất Sắc	1,200,000		
167	Nguyễn Bá Thanh	ĐTQT	24211207757	K24CMU TPM4	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Hải Nhân năm 2020.	Hải Nhân, Tinh Gia, Thanh Hóa.	2.48	Tốt	800,000		
168	Võ Thị Thu Hường	ĐTQT	25202502773	K25PSU KKT1	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Hành Tín Tây ngày 27/10/2020.	Hành Tín Tây, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi.	3.19	Khá	800,000		
169	Hoàng Bảo Chung	ĐTQT	24211207051	K24CMU TPM3	Xã khó khăn có xác nhận của Công An xã Cảnh Hóa ngày 22/10/2019	Cảnh Hóa, Quảng Trạch, Quảng Bình	3.35	Tốt	1,200,000		
170	Trần Kim Long	ĐTQT	25211212572	K25CMU TPM2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Mỹ Thành ngày 16/09/2020.	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	2.48	Tốt	800,000		
171	Mã Thị Thanh Linh	Luật	2320377876	K23LKT3	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của Công An xã Vĩnh Thịnh ngày 23/09/2020.	Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	2.33	Tốt	800,000		
172	Võ Thị Thanh Tuyền	Tiếng Anh	25203207354	K25NAB2	Xã miền núi có xác nhận của UBND xã Quế Phong ngày 16/09/2019	Quế Phong, Quế Sơn, Quảng Nam	3.03	Xuất Sắc	800,000		
173	Nguyễn Thị Tây Thi	Tiếng Anh	25203208988	K25NAD3	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Phước Hiệp năm 2020.	Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định	3.23	Tốt	1,200,000		
174	Huỳnh Thị Cẩm Vân	Tiếng Anh	24203114587	K24NAB2	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Bình Nghi năm 2020.	Bình Nghi, Tây Sơn, Bình Định	3.05	Tốt	800,000		
175	Nguyễn Thị Hoài Thu	Tiếng Anh	25203210577	K25NAD8	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND Phường 4 năm 2020.	Phường 4, Đông Hà, Quảng Trị	2.78	Khá	800,000		
176	Phan Thị Kiều Nga	Tiếng Anh	25203102835	K25NAB4	Xã miền núi có xác nhận của UBND xã Ea Lê ngày 18/09/2020.	Ea Lê, Ea Súp, Đăk Lăk	3.47	Xuất Sắc	1,200,000		
177	Trần Thị Mỹ Linh	Tiếng Anh	23203211644	K23NAD6	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Hành Thiện năm 2020.	Hành Thiện, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	3.33	Giỏi	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
178	Thân Thị Mỹ Linh	Tiếng Anh	25203112498	K25NAB9	Xã miền núi có xác nhận của UBND xã Bình Tân ngày 16/09/2020.	Bình Tân, Tây Sơn, Bình Định	3.28	Xuất Sắc	1,200,000		
179	Nguyễn Thanh Ngân	Tiếng Anh	24203111638	K24NAB3	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của Công An xã Xuân Lãnh ngày 18/09/2020.	Xuân Lãnh, Đồng Xuân, Phú Yên	2.85	Giỏi	800,000		
180	Mai Thị Quỳnh Như	Tiếng Anh	24203112182	K24NAD2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Hải An ngày 16/09/2020.	Hải An, Hải Lăng, Quảng Trị	2.80	Tốt	800,000		
181	Trịnh Quang Sĩ	Tiếng Anh	25213205653	K25NAD6	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Triệu Giang năm 2020.	Triệu Giang, Triệu Phong, Quảng Trị	3.11	Xuất Sắc	800,000		
182	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Tiếng Anh	2320315568	K23NAD2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Đông ngày 02/10/2020.	Bình Đông, Bình Sơn, Quảng Ngãi	2.53	Tốt	800,000		
183	Hồ Thị Khánh Ly	Tiếng Anh	24203116248	K24NAB9	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Cư M'ta năm 2020.	Cư M'ta, M'Đrăk, Đăk Lăk	2.51	Khá	800,000		
184	Nguyễn Thị Kim Nhật	Tiếng Anh	25203216214	K25NAD2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Nam ngày 23/10/2020.	Bình Nam, Thăng Bình, Quảng Nam	3.55	Xuất Sắc	1,200,000		
185	Trần Thị Tú Trinh	Tiếng Anh	25203115082	K25NAD3	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của Công An xã Thịnh Thành ngày 15/09/2020.	Thịnh Thành, Yên Thành, Nghệ An	3.07	Tốt	800,000		
186	Đỗ Thị Hồng Thương	Tiếng Anh	25202101784	K25NAB2	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Hoài Mỹ năm 2020.	Hoài Mỹ, Hoài Nhơn, Bình Định	3.42	Tốt	1,200,000		
187	Huỳnh Vũ Yên Nhi	Tiếng Anh	24203101316	K24NAB2	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của Công An xã Trà Phú ngày 21/10/2020.	Trà Phú, Trà Bồng, Quảng Ngãi	2.69	Tốt	800,000		
188	Hoàng Thị Hồng Tiền	Tiếng Trung	25203304155	K25NTQ	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Tam Hải ngày 15/09/2020.	Tam Hải, Núi Thành, Quảng Nam	3.74	Tốt	1,200,000		
189	Phan Trà My	Tiếng Trung	24203103803	K24NTQ2	Hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã Kỳ Phú năm 2020.	Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	3.03	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
190	Võ Thị Thanh Thúy	Tiếng Trung	25203316477	K25NTQ17	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Đức Lợi ngày 16/10/2020.	Đức Lợi, Mộ Đức, Quảng Ngãi	3.46	Giỏi	1,200,000		
191	Phan Thị Thùy Trang	Tiếng Trung	24203107526	K24NTQ2	Xã miền núi có xác nhận của UBND TT Lao Bảo ngày 21/10//2020.	TT Lao Bảo, Hướng Hóa, Quảng Trị	2.86	Giỏi	800,000		
192	Trương Thu Hằng	Tiếng Trung	24203207524	K24NTQ4	Xã miền núi có xác nhận của UBND TT Lao Bảo ngày 24/10//2020.	TT Lao Bảo, Hướng Hóa, Quảng Trị	3.54	Giỏi	1,200,000		
193	Nguyễn Thị Tố Trâm	Tiếng Trung	25203302384	K25NTQ5	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã An Ninh Tây ngày 18/09/2020.	An Ninh Tây, Tuy An, Phú Yên	3.78	Xuất Sắc	1,200,000		
194	Nguyễn Thị Hằng	Tiếng Trung	25203316846	K25NTQ9	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Diên Bích ngày 02/10/2020.	Diên Bích, Diên Châu, Nghệ An	3.61	Tốt	1,200,000		
195	Nguyễn Thị Đào Quyên	Kiến Trúc	25204316127	K25ADH3	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Mỹ Thành ngày 15/09/2020.	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	3.43	Xuất Sắc	1,200,000		
196	Trần Anh Minh	Điện. Đ.Từ	2321174175	K23PNU EDC	Xã khó khăn có xác nhận của UBND xã Ân Nghĩa ngày 24/09/2020	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	2.88	Xuất Sắc	800,000		
197	Phan Quỳnh Như	XHNV	2320319620	K23VQH1	Xã khó khăn có xác nhận của UBND xã Trà Phú ngày 23/09/2020	Trà Phú, Trà Bồng, Quảng Ngãi	3.08	Tốt	800,000		
198	Trần Thị Thắm	XHNV	25203716755	K25VTD2	Xã khó khăn có xác nhận của UBND xã Ea Riêng ngày 14/09/2020	Ea Riêng, M'Đrăk, Đắk Lắk	3.17	Tốt	800,000		
									199,600,000		

ĐỐI TƯỢNG 2: Sinh viên thuộc diện hộ nghèo trong năm

1	Võ Thị Thu Nguyệt	Kế Toán	25202205085	K25KKT3	Hộ nghèo có xác nhận của UBND TT Hà Lam năm 2020.	TT Hà Lam, Thăng Bình, Quảng Nam	2.45	Tốt	1,200,000		
2	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Kế Toán	23202611840	K23KDN3	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Triệu Sơn năm 2020.	Triệu Sơn, Triệu Phong, Quảng Trị	3.42	Xuất Sắc	1,500,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
3	Ngô Tường Vân	QTKD	25202216267	K25QTM2	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Tam Thuận năm 2020.	Phường Tam Thuận, Thanh Khê, Đà Nẵng	3.62	Xuất Sắc	1,500,000		
4	Nguyễn Khánh Thư	QTKD	25202215760	K25QTM2	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Hòa Cường Bắc năm 2020.	Phường Hòa Cường Bắc, Hải Châu, Đà Nẵng	3.26	Xuất Sắc	1,500,000		
5	Nguyễn Thị Hòa Thuận	QTKD	25202116797	K25QTH4	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Đức Chánh năm 2020.	Đức Chánh, Mộ Đức, Quảng Ngãi	2.97	Khá	1,200,000		
6	Nguyễn Thị Như Quỳnh	QTKD	24202104049	K24QTH2	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Bình Chánh năm 2020.	Bình Chánh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	3.00	Tốt	1,200,000		
7	Phạm Thị Kim Ngân	QTKD	25207101956	K25QNT2	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Ân Hảo Tây năm 2020.	Ân Hảo Tây, Hoài Ân, Bình Định	3.64	Xuất Sắc	1,500,000		
8	Bùi Ngọc Thư	QTKD	25202315830	K25QTC	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường An Hải Bắc năm 2020.	An Hải Bắc, Sơn Trà, Đà Nẵng	3.73	Xuất Sắc	1,500,000		
9	Nguyễn Đình Đặng Hùng	QTKD	25217211949	K25QTH14	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Sơn Lộc năm 2020.	Sơn Lộc, Cam Lộc, Hà Tĩnh	2.62	Tốt	1,200,000		
10	Nguyễn Thị Bình An	QTKD	25202203208	K25QTM2	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Ea Wer năm 2020.	Ea Wer, Buôn Đôn, Đắk Lắk	3.35	Xuất Sắc	1,500,000		
11	Nguyễn Thị Thúy	QTKD	24202101317	K24QTH6	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Trà Tân năm 2020.	Trà Tân, Trà Bồng, Quảng Ngãi	3.29	Tốt	1,500,000		
12	Trần Thị Mỹ Duyên	QTKD	25207104864	K25QTH12	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Ea Ngai năm 2020.	Ea Ngai, Krông Búk, Đắk Lắk	3.11	Tốt	1,200,000		
13	Đào Kiếm Diệp	QTKD	25202111024	K25QTH3	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Pong Drang năm 2020.	Pong Drang, Krông Búk, Đắk Lắk	2.82	Tốt	1,200,000		
14	Nguyễn Bửu Hoài Nhân	Viện DL	24217211906	K24DLL4	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Hòa Minh năm 2020.	Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng	3.50	Xuất Sắc	1,500,000		
15	Văn Thùy Mỹ Duyên	Viện DL	25207101064	K25DLK16	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Bình Nghi năm 2020.	Bình Nghi, Tây Sơn, Bình Định	3.21	Tốt	1,500,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
16	Nguyễn Quốc Huy	Viện DL	2321712256	K23DLK2	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Nại Hiên Đông năm 2020.	Nại Hiên Đông, Sơn Trà, Đà Nẵng	3.38	Tốt	1,500,000		
17	Hoàng Công Tấn Hưng	Viện DL	24217108166	K24DLK21	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Hải Châu 2 năm 2020.	Hải Châu, Hải Châu, Đà Nẵng	3.30	Tốt	1,500,000		
18	Lê Thị Kiều Anh	Viện DL	24207106891	K24DLK8	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Mân Thái năm 2020.	Mân Thái, Sơn Trà, Đà Nẵng	3.07	Tốt	1,200,000		
19	Lý Thị Ngọc Ánh	Viện DL	24202608798	K24PSU DLK3	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Hòa Khánh Nam năm 2020.	Hòa Khánh Nam, Liên Chiểu, Đà Nẵng	3.23	Tốt	1,500,000		
20	Trần Thị Mỹ Anh	Viện DL	25207205758	K25PSU DLL3	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Đông Lễ năm 2020.	Đông Lễ, Đông Hà, Quảng Trị	2.80	Tốt	1,200,000		
21	Lê Phạm Thục Quỳnh	Viện DL	25207216712	K25PSU DLL1	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Hòa Phát năm 2020.	Hòa Phát, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	3.67	Xuất Sắc	1,500,000		
22	Điệp Thị Thúy Vi	Viện DL	2320713124	K23DLK	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Hành Phước năm 2020.	Hành Phước, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	3.38	Tốt	1,500,000		
23	Huỳnh Thị Thanh Nguyệt	Viện DL	24207211860	K24DLK4	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Chính Gián năm 2020.	Chính Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng	2.68	Tốt	1,200,000		
24	Trần Thị Thanh Hiếu	Viện DL	2320714402	K23DLK15	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Hòa Thọ Đông năm 2020.	Hòa Thọ Đông, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	2.45	Xuất Sắc	1,200,000		
25	Phạm Vũ Yến Vy	Viện DL	25207210544	K25DLL8	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Xuân Hà năm 2020.	Xuân Hà, Thanh Khê, Đà Nẵng	3.20	Tốt	1,500,000		
26	Huỳnh Thụy Bảo Trâm	Viện DL	2320715237	K23DLK14	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Hòa Khê năm 2020.	Hòa Khê, Thanh Khê, Đà Nẵng	3.00	Tốt	1,200,000		
27	Ngô Việt Dũng	Viện DL	2321717328	K23DLK2	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Thanh Bình năm 2020.	Thanh Bình, Hải Châu, Đà Nẵng	3.07	Tốt	1,200,000		
28	Hồ Hồng Phước	Viện DL	2320714452	K23DLK10	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Tam Thuận năm 2020.	Tam Thuận, Thanh Khê, Đà Nẵng	3.11	Xuất Sắc	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
29	Lương Thanh Long	Viện DL	24217105166	K24DLK8	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Thạc Gián năm 2020.	Thạc Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng	2.88	Tốt	1,200,000		
30	Nguyễn Thị Ngọc Vy	Viện DL	25207109613	K25DLK8	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Chính Gián	Chính Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng	3.55	Tốt	1,500,000		
31	Nguyễn Văn Nhật	CNTT	25211207382	K25TPM7	Hộ nghèo có xác nhận của UBND Xã Hướng Phùng năm 2020.	Hướng Phùng, Hướng Hóa, Quảng Trị	3.32	Tốt	1,500,000		
32	Ngô Sinh	CNTT	24211204010	K24TPM8	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Đại Sơn năm 2020.	Đại Sơn, Đại Lộc, Quảng Nam	3.07	Tốt	1,200,000		
33	Bùi Thị Bích Thùy	Đ Dưỡng	25205117488	K25YDD3	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Phước Nghĩa năm 2020.	Phước Nghĩa, Tuy Phước, Bình định	3.25	Giỏi	1,500,000		
34	Nguyễn Thị Thùy Dung	Đ Dưỡng	25205108657	K25VJ YDD	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Vĩnh Dạ năm 2020.	Vĩnh Dạ, TP Huế	2.95	Khá	1,200,000		
35	Lê Phương Hà	Dược	2320523844	K23YDH3	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Phước Lộc năm 2020.	Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	3.71	Xuất Sắc	1,500,000		
36	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Dược	23205212109	K23YDH9	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Ea Drăng năm 2020.	Ea Drăng, Ea H'Leo, Đắk Lắk	3.18	Tốt	1,200,000		
37	Phùng Nguyễn Ngọc Thảo	Dược	2220523237	K22YDH5	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Hòa Thành năm 2020.	Hòa Thành, Krông Bông, Đắk Lắk	3.04	Tốt	1,200,000		
38	Trần Thị Huệ	Dược	23205210247	K23YDH8	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Hoa Thủy năm 2020.	Hoa Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	3.42	Xuất Sắc	1,500,000		
39	Nguyễn Thị Lan	ĐTQT	2320254341	K23PSU KKT2	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Hòa Quý năm 2020.	Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	2.36	Tốt	1,200,000		
40	Hoàng Nguyễn Duy Long	ĐTQT	24211201360	K24CMU TPM6	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Tam Thuận năm 2020.	Tam Thuận, Thanh Khê, Đà Nẵng	2.39	Khá	1,200,000		
41	Nguyễn Mạnh Vũ	ĐTQT	24211216455	K24CMU TPM8	Hộ nghèo có xác nhận của UBND Xã Hộ Độ năm 2020.	Hộ Độ, Lộc Hà, Hà Tĩnh	2.62	Tốt	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
42	Tạ Thy Loan	Tiếng Anh	23203211121	K23NAD9	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Hòa Hải năm 2020.	Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	2.06	Giỏi	1,200,000		
43	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Tiếng Anh	24203216318	K24NAD6	Hộ nghèo có xác nhận của UBND TT Tiên Kỳ năm 2020.	Tiên Kỳ, Tiên Phước, Quảng Nam	2.99	Xuất Sắc	1,200,000		
44	Hồ Thăng Huy	Hữu	25213115789	K25NAB7	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường An Hải Tây năm 2020.	An Hải Tây, Sơn Trà, Đà Nẵng	3.33	Xuất Sắc	1,500,000		
45	Lê Thị Huỳnh Như	Tiếng Anh	24203100117	K24NAB5	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Ân Hữu năm 2020.	Ân Hữu, Hoài Ân, Bình Định	3.82	Giỏi	1,500,000		
46	Nguyễn Thị Bích Trâm	Tiếng Anh	23203211765	K23NAD6	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường An Hải Tây năm 2020.	An Hải Tây, Sơn Trà, Đà Nẵng	3.20	Tốt	1,500,000		
47	Đinh Thị Phượng	Tiếng Anh	2320324656	K23NAD8	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Hòa Phong năm 2020.	Hòa Phong, Hòa Vang, Đà Nẵng	2.27	Khá	1,200,000		
48	Hoàng Thị Vũ Oanh	Tiếng Trung	25203316385	K25NTQ13	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Cam An năm 2020.	Cam An, Cam Lộ, Quảng Trị	3.59	Tốt	1,500,000		
49	Trần Công Thuận	Kiến Trúc	24217101286	K24ADH3	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Điện An năm 2020.	Điện An, Điện Bàn, Quảng Nam	2.65	Tốt	1,200,000		
50	Mai Hậu	Xây Dựng	2221613440	K22XDD2	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Hòa Liên năm 2020.	Hòa Liên, Hòa Vang, Đà Nẵng	2.54	Tốt	1,200,000		
51	Đặng Thị Thùy Trang	Điện.ĐTư	25201609871	K25EVT	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Bình Quý năm 2020.	Bình Quý, Thăng Bình, Quảng Nam	2.90	Xuất Sắc	1,200,000		
52	Đỗ Hạ Tiểu My	Luật	23208610417	K23VLK4	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Phố Hòa năm 2020.	Phố Hòa, Đức Phổ, Quảng Ngãi	3.86	Xuất Sắc	1,500,000		
53	Nguyễn Thị Kim Ngọc	XHNV	24203406881	K24VHD	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường An Hải Bắc năm 2020.	An Hải Bắc, Sơn Trà, Đà Nẵng	3.40	Giỏi	1,500,000		
54	Mai Thị Thu Ngân	XHNV	23203410420	K23VHD1	Hộ nghèo có xác nhận của UBND phường Khuê Mỹ năm 2020.	Khuê Mỹ, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	2.76	Xuất Sắc	1,200,000		
									72,600,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
ĐỐI TƯỢNG 3: Sinh viên học cùng lúc 2 chương trình tại Trường											
1	Nguyễn Trần Thanh Thảo	Dược	2220522865	K22YDH2	Sinh viên học 2 ngành tại Trường	Bảng 2: Ngành Tin phần mềm	3.16	Tốt	1,200,000		
									1,200,000		
ĐỐI TƯỢNG 4: Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ											
1	Dương Thị Bội Ngọc	Kế Toán	2120718522	K25KDN2	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Hai giấy chứng tử có xác nhận tại địa phương + giấy khai sinh	2.39	Tốt	1,800,000		
2	Võ Thị Hồng Ngọc	QTKD	25202701811	K25QNT2	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Hai giấy chứng tử có xác nhận tại địa phương + giấy khai sinh	3.34	Tốt	2,500,000		
3	Phí Thị Hạnh	QTKD	25207103442	K25DLK21	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Hai giấy chứng tử có xác nhận tại địa phương + giấy khai sinh	2.26	Tốt	1,800,000		
4	Phạm Thị Hồng Ngát	Viễn DL	25207203957	K25DLL1	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Hai giấy chứng tử có xác nhận tại địa phương	3.37	Xuất Sắc	2,500,000		
5	Phan Thị Minh Phúc	ĐTQT	24202600201	K24PSU KKT	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Hai giấy chứng tử có xác nhận tại địa phương + giấy khai sinh	3.15	Tốt	1,800,000		
6	Đặng Ngọc Thùy Dung	Kiến Trúc	24204307724	K24ADH1	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Hai giấy chứng tử và đơn xác nhận tại địa phương	3.51	Xuất Sắc	2,500,000		
7	Huỳnh Thị Ngọc Bích	Đ.Đường	24205108855	K24YDD1	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Giấy xác nhận mồ côi cha, mẹ của địa phương	3.63	Tốt	2,500,000		
8	Ngô Trần Thọ	Tiếng Anh	2321324904	K23NAD7	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Hai giấy chứng tử có xác nhận tại địa phương	2.76	Giỏi	1,800,000		
9	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền	Tiếng Trung	25203305823	K25NTQ9	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Hai giấy chứng tử có xác nhận tại địa phương + giấy khai sinh	3.30	Khá	2,500,000		
									19,700,000		
ĐỐI TƯỢNG 5: Sinh viên mồ côi cha hoặc mẹ nhưng có hoàn cảnh khó khăn											
1	Lương Thị Thu Thảo	Kế Toán	24202503638	K24KKT2	Mồ côi mẹ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Xã khó khăn có xác nhận của địa phương	3.54	Tốt	1,500,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
2	Bùi Thị Mỹ Linh	QTKD	2320213033	K23QTH4	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Xã khó khăn có xác nhận của địa phương	3.20	Tốt	1,500,000		
3	Huỳnh Thị Ngọc Hồng	QTKD	2320212598	K23QTH4	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Hộ nghèo có xác nhận của địa phương	3.55	Xuất Sắc	1,500,000		
4	Tôn Nữ Bích Vân	QTKD	24202114624	K24QTH1	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Giấy xác nhận gia đình khó khăn của địa phương	2.17	Tốt	1,000,000		
5	Bùi Thị Ly Ly	QTKD	25202406373	K25QNH1	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Giấy xác nhận gia đình khó khăn của địa phương	2.64	Xuất Sắc	1,000,000		
6	Trần Thị Mỹ Hiền	QTKD	25202116420	K25QTH9	Mồ côi mẹ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Hộ cận nghèo có xác nhận của địa phương	3.28	Tốt	1,500,000		
7	Nguyễn Hồng Anh	QTKD	25212102938	K25QTH3	Mồ côi mẹ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Giấy khai sinh	3.89	Tốt	1,500,000		
8	Nguyễn Thị Ngọc Thoa	Du Lịch	24207100519	K24DLK14	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Hộ cận nghèo có xác nhận của địa phương	3.41	Xuất Sắc	1,500,000		
9	Trần Thị Phương	Du Lịch	25207216409	K25DLK7	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Hộ cận nghèo có xác nhận của địa phương	3.32	Tốt	1,500,000		
10	Hồ Thị Lan Anh	Viện DL	24207104219	K24DLK7	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Hộ cận nghèo có xác nhận của địa phương	2.17	Tốt	1,000,000		
11	Lê Thị Ngọc Trâm	Viện DL	24207214009	K24DLK2	Mồ côi mẹ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Hộ cận nghèo có xác nhận của địa phương	2.65	Tốt	1,000,000		
12	Thái Nguyên	Viện DL	24217207044	K24DLL2	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Hộ nghèo có xác nhận của địa phương	3.25	Tốt	1,500,000		
13	Tôn Thất Lập	Xây Dựng	25216116650	K25XDD1	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Giấy xác nhận gia đình khó khăn tại địa phương.	3.55	Tốt	1,500,000		
14	Phan Tố Quyên	Dược	2320529172	K23YDH2	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Giấy xác nhận xã khó khăn	3.66	Tốt	1,500,000		
15	Nguyễn Thị Yến Trinh	Đ. Dưỡng	2320513015	K23YDD5	Mồ côi mẹ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Giấy xác nhận gia đình khó khăn tại địa phương.	3.35	Giỏi	1,500,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
16	Huỳnh Thị Diễm Quỳnh	Đ. Đường	24205103946	K24YDD4	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Giấy xác nhận gia đình khó khăn tại địa phương.	3.57	Tốt	1,500,000		
17	Trịnh Thị Hiền Thảo	Tiếng Anh	25203203135	K25NAD8	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Giấy xác nhận gia đình khó khăn tại địa phương.	3.34	Xuất Sắc	1,500,000		
18	Bùi Thị Mỹ Linh	Tiếng Anh	24203116195	K24NAB2	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Giấy xác nhận xã khó khăn	2.57	Tốt	1,000,000		
19	Võ Thị Quỳnh	Tiếng Anh	24203216234	K24NAD4	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Giấy xác nhận xã khó khăn	3.52	Xuất Sắc	1,500,000		
20	Lê Anh Dũng	Tiếng Anh	25213111098	K25NAD	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Hộ cận nghèo có xác nhận của địa phương	3.72	Xuất Sắc	1,500,000		
21	Dương Thị Phương Ngân	Tiếng Trung	25203305672	K25NTQ6	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Hộ nghèo có xác nhận của địa phương.	3.65	Tốt	1,500,000		
22	Đỗ Thị Minh Thuận	Tiếng Trung	25203308190	K25NTQ5	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Hộ cận nghèo có xác nhận của địa phương.	3.35	Xuất Sắc	1,500,000		
23	Nguyễn Đức Nhân	Luật	2321377699	K23LKT2	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Hộ cận nghèo có xác nhận của địa phương.	3.23	Khá	1,500,000		
24	Hồ Nguyễn Hoài Thương	Luật	2320864054	K23LKT1	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Giấy xác nhận gia đình khó khăn của địa phương	3.76	Xuất Sắc	1,500,000		
25	Võ Thị Thu Oanh	XHNV	2320315839	K23VQH	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Hộ nghèo có xác nhận của địa phương.	2.77	Tốt	1,000,000		
									34,500,000		

ĐỐI TƯỢNG 6: Sinh viên bị khuyết tật(có giấy giám định y khoa) hoặc sinh viên là dân tộc thiểu số

1	Y Vi La Rya	QTKD	24212207626	K24QTM2	Dân tộc M nông	Sổ hộ khẩu + CMND	3.15	Xuất Sắc	1,500,000		
2	Lý Triệu Huân	QTKD	2321242199	K23QNH	Dân tộc Hán	Giấy khai sinh	2.96	Tốt	1,500,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
3	Sầm Thanh Truyền	QTKD	25212217446	K25QTM5	Dân tộc Tày	Giấy khai sinh + CMND	2.87	Tốt	1,500,000		
4	Giang Phi Long	QTKD	2321213034	K23QTH2	Dân tộc Choang	Giấy khai sinh	2.68	Tốt	1,500,000		
5	Hoàng Thanh Trang	Viện DL	2320715410	K23DLK10	Dân tộc Nùng	Giấy khai sinh	2.84	Tốt	1,500,000		
6	Lê Kim Nhân	Viện DL	24217200563	K24PSU DLL1	Khuyết tật	Thần kinh tâm thần có xác nhận của UBND xã Phú Sơn	3.61	Tốt	2,000,000		
7	Trần Lê Thị Minh Huyền	Viện DL	25217216717	K25PSU DLL8	Khuyết tật	Giấy xác nhận khuyết tật của địa phương	2.02	Khá	1,500,000		
8	Nguyễn Huyền Chinh	Viện DL	25207116951	K25DLK1	Dân tộc Nùng	Sổ hộ khẩu	3.65	Xuất Sắc	2,000,000		
9	Nông Khánh Tùng	Viện DL	2321714492	K23DLK12	Dân tộc Tày	Sổ hộ khẩu	2.34	Khá	1,500,000		
10	Lâm Huyền Chi	Viện DL	25207115922	K25PSU DLK3	Dân tộc Vân Liêu	Giấy khai sinh	3.21	Tốt	2,000,000		
11	Hoàng Tuấn Khôi	ĐTQT	23211212196	K23CMU TPM7	Dân tộc Tày	Giấy xác nhận của địa phương	2.79	Tốt	1,500,000		
12	Hồ Thúy Ngân	Dược	2320528986	K23YDH7	Khuyết tật	Chân(P) teo cơ, bàn chân khoèo, đi chân giả.	2.99	Tốt	1,500,000		
13	Hà Yê	Dược	25215206022	D25YDHA	Dân tộc Trín	Giấy xác nhận của UBND xã Cầu Bà	2.93	Tốt	1,500,000		
14	Huỳnh Bình Duyên	Dược	24205209301	K24YDH9	Khuyết tật	Mất các ngón của 2 bàn tay, đi chân giả, giấy xác nhận của địa phương	3.00	Tốt	1,500,000		
15	Vy Vũ Thành Thắng	Y	23215310396	K23YDK8	Dân tộc Nùng	Giấy xác nhận của địa phương	3.33	Xuất Sắc	2,000,000		
16	Phương Thị Ngọc Lan	Y	2220532338	K22YDK4	Dân tộc Tày	Giấy xác nhận của UBND xã Lộc Bắc	3.56	Xuất Sắc	2,000,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
17	KSOR Ha Sa	Đ. Dưỡng	2320519490	K23YDD3	Dân tộc Jrai	Giấy xác nhận của chính quyền địa phương ngày 17/09/2020	3.57	Xuất Sắc	2,000,000		
18	Triệu Việt Hà	Đ. Dưỡng	25205102273	K25YDD	Dân tộc Nùng	Sổ hộ khẩu	3.35	Xuất Sắc	2,000,000		
19	Bùi Thị Thanh Hoa	Luật	2320863668	K23VLK2	Dân tộc Mường	Giấy CMND	3.13	Tốt	1,500,000		
20	Đình Phan Thùy Linh	Luật	24208602511	K24LKT2	Dân tộc Nùng	Giấy khai sinh	2.70	Xuất Sắc	1,500,000		
21	Nguyễn Triều Tiên	CNTT	2321129744	K23TPM8	Khuyết tật	Di chứng bại não, hạn chế vận động và chậm phát triển tâm thần mức độ vừa	2.20	Tốt	1,500,000		
22	Trần Nguyễn Thu Thương	CNTT	2320123367	K23TPM7	Khuyết tật	Khuyết tật vận động mức độ nặng (Vết sẹo ở bụng lớn)	3.68	Xuất Sắc	2,000,000		
23	Trương Đình Hà Nam	CNTT	25211208527	K25TPM8	Dân tộc Cơ Tu	Giấy CMND	3.24	Tốt	2,000,000		
24	Trần Minh Huy	Kiến Trúc	2321434673	K23ADH2	Khuyết tật	Giấy xác nhận khuyết tật của địa phương (vận động yếu chân tay bên P)	2.72	Tốt	1,500,000		
25	Triệu Thị Lệ	Tiếng Anh	2320319873	K23NAB7	Dân tộc Nùng	Sổ hộ khẩu	2.99	Tốt	1,500,000		
26	H' DIE'L M'LÔ	Tiếng Anh	25203110207	K25NAB8	Dân tộc Ê Đê	Giấy xác nhận của địa phương	2.45	Khá	1,500,000		
27	H May ÊNUÔL	Tiếng Anh	2320315757	K23NAB4	Dân tộc Ê Đê	Giấy CMND	2.26	Tốt	1,500,000		
28	H' An M'LÔ	Tiếng Anh	25203110236	K25NAB7	Dân tộc Ê Đê	Giấy xác nhận của địa phương	2.71	Tốt	1,500,000		
29	Triệu Thị Mai Anh	Tiếng Anh	24203108750	K24NAD6	Dân tộc Nùng	Giấy khai sinh	3.37	Tốt	2,000,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
30	Hồ Anh Thư	Tiếng Trung	25203100083	K25NTQ4	Khuyết tật	Di chứng bại não, hạn chế vận động và giọng nói bị ngọng	3.66	Tốt	2,000,000		
31	Mông Thị Băng	Tiếng Trung	25203310833	K25NTQ7	Dân tộc Tày	Giấy khai sinh	3.69	Tốt	2,000,000		
32	Rơ Lan Thư	Tiếng Trung	25203300768	K25NTQ7	Dân tộc Jơ Rai	Giấy CMND	3.53	Tốt	2,000,000		
									54,500,000		

ĐỐI TƯỢNG 7: Sinh viên có 2 anh/chị em ruột cùng học tại Trường (Xét trên từng SV)

1	Nguyễn Thị Thanh Trâm	Kế Toán	2320250808	K23KKT2	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Kim Trúc lớp K24DLK7	3.33	Khá	1,200,000		
2	Phan Thúy Ngân	Kế Toán	2320216100	K23KKT1	Hai chị em học cùng trường	Em: Phan Ái Ly lớp K25QTM4.	3.62	Xuất Sắc	1,200,000		
3	Hồ Như Quỳnh	Kế Toán	2320269813	K23KKT1	Hai chị em học cùng trường	Em: Hồ Sỹ Nhật Nguyên lớp K25QTM2	3.52	Tốt	1,200,000		
4	Hoàng Bảo Linh	Kế Toán	2320253067	K23KKT2	Hai chị em học cùng trường	Em: Hoàng Bảo Thy lớp K25KKT2(Từ K24->K25 NH 2020-2021)	3.34	Khá	1,200,000		
5	Nguyễn Văn Nhật	Kế Toán	2321219772	K23KKT3	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Hồng Nhung lớp K25PSU	2.18	Tốt	800,000		
6	Đình Thị Quỳnh	Kế Toán	2320263532	K23KDN2	Hai anh em học cùng trường	Em: Đình Tuấn Phong Khóa K26	3.66	Giỏi	1,200,000		
7	Nguyễn Thị Lệ Uyên	Kế Toán	2320233060	K23KKT1	Hai chị em học cùng trường	Em; Nguyễn Thị Ái Ly lớp K25NAB5	3.20	Tốt	1,200,000		
8	Hoàng Thị Mỹ Lệ	Kế Toán	2320260906	K23KDN3	Hai chị em học cùng trường	Em: Hoàng Việt Đức khóa K26	2.52	Tốt	800,000		
9	Phan Thị Uyển Nhi	Kế Toán	24202608446	K24KKT1	Hai chị em học cùng trường	Em: Phan Thị Hoàng Nhi lớp K24KKT1	2.92	Khá	800,000		
10	Phan Thị Hoàng Nhi	Kế Toán	24202515701	K24KKT1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phan Thị Uyển Nhi lớp K24KKT1	2.55	Khá	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
11	Nguyễn Thị Hà	Kế Toán	24202607570	K24KDN2	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thanh Hùng khóa K26	2.25	Tốt	800,000		
12	Lê Quốc Anh	Kế Toán	23212510379	K23KKT3	Hai anh em học cùng trường	Em: Lê Quốc Thành khóa K26	3.70	Xuất Sắc	1,200,000		
13	Nguyễn Thị Diễm	Kế Toán	25202516374	K25KKT2	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Văn Hợp lớp K23TPM9 (Điểm HT ko đủ đk xét)	3.44	Tốt	1,200,000		
14	Phạm Thị Bích Sâm	Kế Toán	23202575557	K23KKT2	Hai chị em học cùng trường	Em: Phạm Phú Minh Nhật lớp K24TPM9	3.22	Khá	1,200,000		
15	Nguyễn Thị Hà	Kế Toán	24202608410	K24KDN2	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Hợp lớp K25NTQ4	3.54	Tốt	1,200,000		
16	Cao Nguyễn Diệu Quỳnh	Kế Toán	23202610307	K24KDN3	Hai chị em học cùng trường	Em: Cao Nguyễn Diệu Phương khóa K26	2.90	Tốt	800,000		
17	Đặng Thị Hiếu	QTKD	2320220849	K23QTM2	Hai chị em học cùng trường	Em: Đặng Văn Khoa lớp K25TPM5 (Điểm HT ko đủ đk xét)	2.89	Tốt	800,000		
18	Nguyễn Việt Cường	QTKD	24212116192	K24QTH8	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Ngân lớp K22YDH3	2.46	Tốt	800,000		
19	Nguyễn Hải Quân	QTKD	25212100779	K25QTH9	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Hải Yến lớp K22VQH	3.17	Tốt	800,000		
20	Ông Lê Ái Quỳnh	QTKD	2320210818	K23QTH4	Hai chị em học cùng trường	Em: Ông Lê Miên Diễm lớp K23YDH10	3.49	Xuất Sắc	1,200,000		
21	Nguyễn Bá Nho	QTKD	2321242204	K23QNH	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Bá Thạch khóa K26	2.39	Tốt	800,000		
22	Nguyễn Thị Loan Vy	QTKD	25202105467	K25QTH12	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Loan Oanh lớp K25DLL10	3.07	Tốt	800,000		
23	Phạm Trọng Minh	QTKD	25212116634	K25QTH10	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phạm Thị Thanh Hương lớp K24YDD1	2.56	Tốt	800,000		
24	Tổng Lê Uyên Thanh	QTKD	2320216171	K23QTM1	Hai chị em học cùng trường	Em: Tổng Bá Quân khóa K26	3.22	Tốt	1,200,000		
25	Trần Đình Huy	QTKD	25212112019	K25QTH14	Hai anh em học cùng trường	Em: Trần Đình Hoàng lớp K25DLK25	2.61	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
26	Vũ Thị Linh	QTKD	2320216230	K23QTM2	Hai chị em học cùng trường	Em: Vũ Năng Tuấn Anh lớp K25QTD1	2.62	Khá	800,000		
27	Vũ Năng Tuấn Anh	QTKD	25212810077	K25QTD1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Vũ Thị Linh lớp K23QTM2	3.21	Tốt	1,200,000		
28	Nguyễn Huỳnh Diễm Trinh	QTKD	25202115052	K25QTN1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Huỳnh Nhã Trúc lớp T23YDHA	2.91	Tốt	800,000		
29	Nguyễn Phan Thanh Thủy	QTKD	25202202787	K25QTM6	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Tùng Lâm lớp K24DLL2	2.54	Tốt	800,000		
30	Trương Thúy Vy	QTKD	25202417135	K25QNH1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Trương Hà Uyên lớp K23DLK2	3.53	Tốt	1,200,000		
31	Nguyễn Thị Hồng Thi	QTKD	25202208508	K25HP QTM1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Mỹ Châu lớp K23DLK8	3.63	Tốt	1,200,000		
32	Nguyễn Tài Thắng	QTKD	25212103842	K25QTH10	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Phương Thảo lớp K23NAD6	2.74	Tốt	800,000		
33	Trần Thị Minh Trang	QTKD	24202615444	K24QTD1	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Thị Minh Huệ khóa K26	3.51	Xuất Sắc	1,200,000		
34	Phan Thị Như	QTKD	25205200790	K25QTH5	Hai chị em học cùng trường	Em: Phan Thanh Phong khóa K26	3.75	Giỏi	1,200,000		
35	Lê Xuân Hào	QTKD	25202111529	K25QTH7	Hai chị em học cùng trường	Chị: Lê Thu Hào lớp K23YDH4	3.44	Xuất Sắc	1,200,000		
36	Nguyễn Thị Ngọc Dung	QTKD	25202115929	K25QTH2	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Đức Sơn lớp K24PSU DLK11	2.93	Tốt	800,000		
37	Trương Thị Diệu Thương	QTKD	2320216243	K23QTD	Hai chị em học cùng trường	Em; Trương Việt Toàn lớp K25TPM2	2.44	Tốt	800,000		
38	Nguyễn Thị Thủy Tiên	QTKD	23202211335	K23QTM3	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Ngọc Trâm khóa K26	3.24	Khá	1,200,000		
39	Lê Võ Thị Thanh Tâm	QTKD	2320283152	K23QTD	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Việt Nghĩa lớp K25QTH4	2.31	Tốt	800,000		
40	Lê Việt Nghĩa	QTKD	25212108607	K25QTH4	Hai chị em học cùng trường	Chị: Lê Võ Thị Thanh Tâm lớp K23QTD	2.64	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
41	Nguyễn Lê Tâm	QTKD	25202210368	K25QTM4	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Lê Minh lớp K23QTH4	3.06	Tốt	800,000		
42	Nguyễn Lê Minh	QTKD	2320519504	K23QTH4	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Lê Tâm lớp K25QTM4	2.14	Xuất Sắc	800,000		
43	Trần Thị Thúy Kiều	QTKD	2320213467	K23QTH8	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Thị Tường Vi lớp K24QTH6	2.41	Tốt	800,000		
44	Trần Thị Tường Vi	QTKD	24202105060	K24QTH6	Hai chị em học cùng trường	Chị: Trần Thị Thúy Kiều lớp K23QTH8	2.14	Khá	800,000		
45	Lê Thị Kiều Anh	QTKD	25207101898	K25QTH4	Hai chị em học cùng trường	Chị: Lê Bùi Lan Phương lớp K23YDH9	2.43	Xuất Sắc	800,000		
46	Lê Thanh Tùng	QTKD	24212102449	K24QTH8	Hai anh em học cùng trường	Em: Lê Thị Thanh Ngân khóa K26	2.68	Tốt	800,000		
47	Nguyễn Thị Nhi Nữ	QTKD	23202111240	K23QTH4	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Nữ Nhi lớp K23LKT3	2.49	Tốt	800,000		
48	Nguyễn Thị Thiên Thanh	QTKD	25202300852	K25HP QTC	Hai vợ chồng học cùng trường	Chồng: Phan Thanh Phú lớp K24PSU QTH2	3.78	Xuất sắc	1,200,000		
49	Hồ Ngọc Hải	QTKD	23212812495	K23QTM1	Hai anh em học cùng trường	Em: Hồ Thị Thanh Huyền lớp K25DLL7	3.72	Xuất sắc	1,200,000		
50	Phan Ái Ly	QTKD	25202207924	K25QTH4	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phan Thúy Ngân lớp K23KKT1	2.81	Khá	800,000		
51	Phan Trần Hồng Anh	QTKD	25202217472	K25QTM7	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phan Trần Trung Anh lớp K23DLL5	2.76	Tốt	800,000		
52	Nguyễn Khánh Duy	QTKD	25212108690	K25QTH13	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Khánh Ly lớp K23PSU QTH3	2.91	Tốt	800,000		
53	Nguyễn Đăng Ngọc	QTKD	2221664943	K23QTH1	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Đăng Châu lớp K25DLK3	2.06	Khá	800,000		
54	Hồ Sỹ Nhật Nguyên	QTKD	25211608422	K25QTM2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Hồ Như Quỳnh lớp K23KKT1	2.70	Tốt	800,000		
55	Nguyễn Phương Hùng	QTKD	2321212599	K23QTH2	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Phương Yến lớp K25PSU QTH5	2.07	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
56	Nguyễn Quốc Mạnh	QTKD	24212807843	K24QTD	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Quốc Hùng lớp K22YDK4	2.04	Tốt	800,000		
57	Trần Công Hoàng Nhân	Viện DL	2320710531	K23PSU DLK14	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Công Phước lớp K23PSU DLK14	3.59	Tốt	1,200,000		
58	Trần Công Phước	Viện DL	2321120418	K23PSU DLK14	Hai chị em học cùng trường	Chị: Trần Công Hoàng Nhân lớp K23PSU DLK14	3.13	Tốt	800,000		
59	Võ Văn Thanh Lâu	Viện DL	2321715210	K23DLK15	Hai anh em học cùng trường	Em: Võ Thị Bích Diễm lớp K25NTQ12	3.61	Tốt	1,200,000		
60	Nguyễn Thị Kim Trúc	Viện DL	24207116177	K24DLK7	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Thanh Trâm lớp K23KKT2	3.67	Tốt	1,200,000		
61	Phạm Nguyên Đan	Viện DL	23207111014	K23PSU DLK4	Hai chị em học cùng trường	Em: Phạm Quang Đăng lớp K25PSU QHT4	2.60	Tốt	800,000		
62	Lê Nguyễn Hoài My	Viện DL	25203316500	K25DLK11	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Nguyễn Hoài Nhi khóa K26	3.36	Tốt	1,200,000		
63	Liễu Phước Hưng	Viện DL	25217202574	K25DLL4	Hai chị em học cùng trường	Chị: Liễu Thị Tuyết Nhung lớp K23PSU DLK1	2.62	Khá	800,000		
64	Liễu Thị Tuyết Nhung	Viện DL	23207111408	K23PSU DLK1	Hai chị em học cùng trường	Em: Liễu Phước Hưng lớp K25DLL4	3.70	Tốt	1,200,000		
65	Trần Nhật Linh	Viện DL	25207216018	K25DLL8	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Nhật Ý lớp K25DLL8	3.47	Tốt	1,200,000		
66	Trần Nhật Ý	Viện DL	25207216017	K25DLL8	Hai chị em học cùng trường	Chị: Trần Nhật Linh lớp K25DLL8	3.42	Tốt	1,200,000		
67	Triệu Thị Thanh Mỹ	Viện DL	25207216318	K25DLL5	Hai chị em học cùng trường	Em: Triệu Thị Mỹ Lệ khóa K26	3.72	Xuất Sắc	1,200,000		
68	Vũ Thị Hồng	Viện DL	25207104934	K25PSU DLK3	Hai chị em học cùng trường	Em: Vũ Thị Ngọc lớp K25PSU DLK3	2.73	Khá	800,000		
69	Vũ Thị Ngọc	Viện DL	25207104942	K25PSU DLK3	Hai chị em học cùng trường	Chị: Vũ Thị Hồng lớp K25DLK3	2.66	Khá	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
70	Trương Thị Lệ	Viện DL	2320714419	K23PSU DLK6	Hai chị em học cùng trường	Em: Trương Thị Linh lớp K25PSU DLL1	3.84	Tốt	1,200,000		
71	Trương Thị Linh	Viện DL	25207208967	K25PSU DLL1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Trương Thị Lệ lớp K23PSU DLK6	3.48	Xuất Sắc	1,200,000		
72	Ngô Thị Minh Ngọc	Viện DL	23207110075	K23DLK17	Hai chị em học cùng trường	Em: Ngô Thị Ngọc Minh lớp K23PSU DLK2	3.38	Tốt	1,200,000		
73	Ngô Thị Ngọc Minh	Viện DL	2320716714	K23PSU DLK2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Ngô Thị Minh Ngọc lớp K23DLK17	3.31	Tốt	1,200,000		
74	Nguyễn Hồng Vỹ	Viện DL	24207206467	K24DLK1	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Văn Anh Vũ lớp K24DLK19	3.56	Tốt	1,200,000		
75	Nguyễn Văn Anh Vũ	Viện DL	2321124126	K24DLK19	Hai anh em học cùng trường	Em; Nguyễn Hồng Vỹ lớp K24DLK1	2.64	Tốt	800,000		
76	Phan Thị Thúy	Viện DL	2320712300	K23DLK2	Hai chị em học cùng trường	Em: Phan Nguyễn Dũng lớp K25PSU DLL8	2.81	Tốt	800,000		
77	Phan Nguyễn Dũng	Viện DL	25211615768	K25PSU DLL8	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phan Thị Thúy lớp K23DLK2	2.70	Tốt	800,000		
78	Nguyễn Trần Kim Ngân	Viện DL	2320723327	K23DLK5	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Ngọc Ngân lớp K25DLK11	3.59	Tốt	1,200,000		
79	Nguyễn Ngọc Ngân	Viện DL	25207108594	K25DLK11	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Trần Kim Ngân lớp K23DLK5	2.79	Tốt	800,000		
80	Nguyễn Thúy Hạ	Viện DL	24207209596	K24PSU DLL3	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thúy Hân lớp K23YDH5	3.55	Xuất Sắc	1,200,000		
81	Nguyễn Trung Phước	Viện DL	25217105874	K25DLK12	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thanh Ngân lớp K23YDD4	2.04	Khá	800,000		
82	Nguyễn Văn Lộc	Viện DL	2321713571	K23PSU DLK4	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Văn Quang Huy khóa K26	2.96	Xuất sắc	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
83	Thái Phạm Quỳnh Như	Viện DL	23205111679	K23DLK2	Hai chị em học cùng trường	Em: Thái Phạm Như Oanh khóa K26	2.43	Tốt	800,000		
84	Dương Ng. Phương Trình	Viện DL	2320713305	K23DLK10	Hai chị em học cùng trường	Em: Dương Đặng Bảo Toàn khóa K26	2.85	Tốt	800,000		
85	Nguyễn Thị Loan Oanh	Viện DL	25207205447	K25DLL10	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Loan Vy lớp K25QTH12	3.57	Tốt	1,200,000		
86	Nguyễn Phan Vy Quỳnh	Viện DL	24207212667	K24DLK5	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Phan Vy Hương lớp K25NAB2	2.57	Khá	800,000		
87	Đặng Thị Hoa	Viện DL	24207116449	K24DLK5	Hai chị em học cùng trường	Em: Đặng Thị Thơm khóa K26	3.02	Khá	800,000		
88	Nguyễn Bảo Khuyên	Viện DL	25203101609	K25DLK5	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Ngọc Duyên lớp K24QTH5(Điểm RL ko đủ đk xét)	3.62	Xuất Sắc	1,200,000		
89	Trần Đình Hoàng	Viện DL	25217211888	K25DLK25	Hai anh em học cùng trường	Anh: Trần Đình Huy lớp K25QTH14	2.04	Khá	800,000		
90	Nguyễn Phương Linh	Viện DL	24207210998	K24DLL5	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Phương Thủy lớp K25HP-KQT	2.08	Tốt	800,000		
91	Nguyễn Lê Ngọc Thảo	Viện DL	23207112421	K23PSU DLK13	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Minh Thế Thịnh lớp K25TPM9	3.42	Khá	1,200,000		
92	Võ Thị Tuyết Nhung	Viện DL	2320715223	K23PSU DLK4	Hai chị em học cùng trường	Em: Võ Văn Tuấn lớp K25TPM1	2.94	Tốt	800,000		
93	Võ Yến Sương	Viện DL	25217210337	K25DLL1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Võ Lê Vi lớp K23NAD5	3.57	Xuất Sắc	1,200,000		
94	Nguyễn Tùng Lâm	Viện DL	2321123217	K24DLL2	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Phan Thanh Thủy lớp K25QTM6	2.77	Khá	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
95	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Viện DL	23207110363	K23DLK10	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Ngọc Ánh Dương lớp K25TPM10	3.44	Tốt	1,200,000		
96	Lương Thị Thùy Tiên	Viện DL	24217208148	K24DLK4	Hai anh em học cùng trường	Anh: Lương Tấn Phú Quý lớp K23TPM10 (Điểm HT ko đủ đk xét)	2.57	Tốt	800,000		
97	Lê Văn Ty	Viện DL	25217215310	K25DLK16	Hai anh em học cùng trường	Anh: Lê Văn Duy lớp K23TMT	2.41	Tốt	800,000		
98	Trương Hà Uyên	Viện DL	2320716715	K23DLK2	Hai chị em học cùng trường	Em: Trương Thủy Vy lớp K25QNH1	3.12	Xuất Sắc	800,000		
99	Nguyễn Thị Mỹ Châu	Viện DL	23207110655	K23DLK8	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Hồng Thi lớp K25HP QTM1	3.55	Xuất Sắc	1,200,000		
100	Đoàn Huỳnh Hoài Giang	Viện DL	24207116002	K24PSU DLK13	Hai anh em học cùng trường	Anh: Đoàn Hồng Quang lớp K24TMT	3.70	Xuất Sắc	1,200,000		
101	Trương Thị Thúy Ngân	Viện DL	2320512089	K23PSU DLK12	Hai chị em học cùng trường	Em: Trương Thị Thúy Nga lớp K25NTQ3	2.81	Tốt	800,000		
102	Nguyễn Lê Minh Trang	Viện DL	24207215560	K24PSU DLL6	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Lê Minh Trí khóa K26	3.49	Tốt	1,200,000		
103	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Viện DL	25207116309	K25DLK11	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Phước Thắng lớp K22EVT	2.87	Tốt	800,000		
104	Trần Thị Bảo Hiếu	Viện DL	25207115837	K25DLK19	Hai chị em học cùng trường	Chị: Trần Thị Thanh Tâm lớp K24DLL2	3.25	Tốt	1,200,000		
105	Trần Thị Thanh Tâm	Viện DL	24201200817	K24DLL2	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Thị Bảo Hiếu lớp K25DLK19	3.35	Tốt	1,200,000		
106	Nguyễn Đức Sơn	Viện DL	24217204271	K24PSU DLK11	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Ngọc Dung lớp K25QTH2	2.78	Tốt	800,000		
107	Lê Hồng Út Thương	Viện DL	25207103267	K25PSU DLK17	Hai chị em học cùng trường	Chị: Lê Hồng Uyên lớp K23YDK8	3.26	Xuất Sắc	1,200,000		
108	Nguyễn Thị Phương	Viện DL	2320714455	K23DLK10	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Thảo Nhi khóa K26	2.85	Xuất Sắc	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
109	Đặng Thị Lan Anh	Viện DL	24207104171	K24DLK8	Hai chị em học cùng trường	Chị: Đặng Quốc Tuấn lớp K25TPM10	2.82	Tốt	800,000		
110	Quách Minh Trâm	Viện DL	2320712885	K23DLK11	Hai chị em học cùng trường	Em: Quách Minh Toàn khóa K26	2.46	Tốt	800,000		
111	Lê Đức Tính	Viện DL	24217116412	K24DLK9	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Đức Tài lớp K23TPM5	3.62	Xuất Sắc	1,200,000		
112	Trần Thị Thùy Dương	Viện DL	24207104754	K24PSU DLH	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Quang Trường lớp K25TPM5	2.74	Khá	800,000		
113	Lưu Thị Trà My	Viện DL	24207211459	K24PSU DLK2	Hai anh em học cùng trường	Anh: Lưu Quốc Huy lớp K23YDH9	3.40	Khá	1,200,000		
114	Trần Thị Mỹ Quyên	Viện DL	25207108716	K25PSU DLK3	Hai anh em học cùng trường	Anh: Trần Ngọc Phong lớp K23CMU TPM2	2.91	Tốt	800,000		
115	Lê Nguyễn Hoài Thương	Viện DL	2320713987	K23DLL4	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Văn Tiên khóa K26	2.58	Khá	800,000		
116	Hồ Kinh Duy	Viện DL	25217216152	K25DLL6	Hai chị em học cùng trường	Chị: Hồ Lê Uyển Nhi lớp K23PSU DLK11	2.74	Tốt	800,000		
117	Hồ Lê Uyển Nhi	Viện DL	2320254838	K23PSU DLK11	Hai chị em học cùng trường	Em: Hồ Kinh Duy lớp K25DLL6	3.57	Tốt	1,200,000		
118	Nguyễn Đình Trương	Viện DL	25216700006	K25PSU DLK15	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Lý lớp K24PSU DLK11	3.14	Tốt	800,000		
119	Nguyễn Thị Lý	Viện DL	24207200034	K24PSU DLK11	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Đình Trương lớp K25PSU DLK15	3.33	Giỏi	1,200,000		
120	Phan Lê Thiên Phước	Viện DL	24217116008	K24DLK7	Hai anh em học cùng trường	Em: Phan Lê Văn Anh lớp K25PSU DLK4	3.00	Tốt	800,000		
121	Phan Lê Văn Anh	Viện DL	25207105276	K25PSU DLK4	Hai anh em học cùng trường	Anh: Phan Lê Thiên Phước lớp K24DLK7	3.55	Tốt	1,200,000		
122	Hồ Thị Thanh Huyền	Viện DL	25207209797	K25DLL7	Hai anh em học cùng trường	Anh: Hồ Ngọc Hải lớp K23QTM1	2.79	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
123	Nguyễn Thanh Sĩ	Viện DL	25217110065	K25DLK26	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Thanh Dũng lớp K23DLK13 Điểm HT ko đủ đk xét)	2.65	Tốt	800,000		
124	Hồ Minh Thu Sương	Viện DL	2320712899	K23PSU DLK6	Hai chị em học cùng trường	Em: Hồ Quang Huy lớp K25CMU TPM8	3.13	Tốt	800,000		
125	Phan Trần Trung Anh	Viện DL	23207211533	K23DLL5	Hai chị em học cùng trường	Em: Phan Trần Hồng Anh lớp K25QTM7	3.02	Khá	800,000		
126	Nguyễn Đăng Châu	Viện DL	25217116240	K25DLK3	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Đăng Ngọc lớp K23QTH1	2.88	Tốt	800,000		
127	Nguyễn Nguyên Hoàn	Viện DL	2321724555	K23DLL1	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Hồng Quý lớp K25NTQ14	3.09	Tốt	800,000		
128	Phạm Thị Khánh Liên	Viện DL	25207109336	K25PSU DLK7	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phạm Thị Khánh Linh lớp K23PSU KKT1	2.83	Tốt	800,000		
129	Phạm Thị Diễm	Viện DL	2320713541	K23DLK5	Hai chị em học cùng trường	Em: Phạm Viết Quân khóa K26	2.56	Xuất Sắc	800,000		
130	Nguyễn Thị Thanh	Viện DL	25207104809	K25DLK5	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Ngọc Thịnh khóa K26	3.30	Tốt	1,200,000		
131	Lê Trọng Tài	CNTT	2321712654	K23TPM1	Hai anh em học cùng trường	Anh: Lê Trọng Cầu lớp K22ADH(Điểm HT ko đủ đk xét).	2.77	Khá	800,000		
132	Trần Nguyễn Hoài Thương	CNTT	2320123387	K23TPM7	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Nguyễn Thu Thương lớp K23TPM7(Xét ĐT 6)	3.90	Xuất Sắc	1,200,000		
133	Trần Thanh An	CNTT	25211217119	K25TPM3	Hai anh em học cùng trường	Anh: Trần Quang Lộc lớp K22YDK4	2.85	Tốt	800,000		
134	Nguyễn Đức Huy	CNTT	2321214256	K23TPM8	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Đức Hiếu lớp K25TPM10	3.13	Xuất Sắc	800,000		
135	Nguyễn Đức Hiếu	CNTT	25211208604	K24TPM10	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Đức Huy lớp k23TPM8	2.94	Xuất Sắc	800,000		
136	Phan Nguyễn Nho Thịnh	CNTT	25211204655	K25TPM4	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phan Thị Phương Thúy lớp K23VTD	2.63	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
137	Nguyễn Minh Thế Thịnh	CNTT	25211214404	K25TPM9	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Lê Ngọc Thảo lớp K23PSU DLK13	2.19	Tốt	800,000		
138	Võ Văn Tuấn	CNTT	25211205745	K25TPM1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Võ Thị Tuyết Nhung lớp K23PSU DLK4	3.23	Xuất Sắc	1,200,000		
139	Nguyễn Ngọc Ánh Dương	CNTT	25201210090	K25TPM10	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Mỹ Duyên lớp K23DLK10	2.95	Tốt	800,000		
140	Lê Văn Duy	CNTT	23211111715	K23TMT	Hai anh em học cùng trường	Em: Lê Văn Ty lớp K25DLK16	2.99	Khá	800,000		
141	Đoàn Hồng Quang	CNTT	24211100714	K24TMT	Hai anh em học cùng trường	Em: Đoàn Huỳnh Hoài Giang lớp K24PSU DLK13	2.17	Tốt	800,000		
142	Trương Viết Toàn	CNTT	25211207664	K25TPM2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Trương Thị Diệu Thương lớp K23QTD	2.68	Tốt	800,000		
143	Đặng Quốc Tuấn	CNTT	25211217444	K25TPM10	Hai chị em học cùng trường	Chị: Đặng Thị lan Anh lớp K24DLK8	3.71	Xuất Sắc	1,200,000		
144	Nguyễn Văn Lộc	CNTT	25211105057	K25TPM7	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Văn Lôi khóa K26	3.20	Tốt	1,200,000		
145	Phạm Phú Minh Nhật	CNTT	24211207446	K24TPM9	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phạm Thị Bích Sâm lớp K23KKT2	3.27	Xuất Sắc	1,200,000		
146	Võ Diệp Huy	Xây Dựng	2221613451	K22XDD1	Hai anh em học cùng trường	Em: Võ Diệp Hoàng lớp K24YDH6	2.58	Tốt	800,000		
147	Nguyễn Ngọc Hòa	Xây Dựng	24216210136	K24XDC	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Ngọc Huyền lớp K23YDK1	1.70	Tốt	800,000		
148	Phan Thành Hưng	Kiến Trúc	25214316982	K25ADH1	Hai anh em học cùng trường	Anh: Phan Văn Hiếu lớp K22ADH	3.04	Tốt	800,000		
149	Phan Văn Hiếu	Kiến Trúc	2221123715	K22ADH	Hai anh em học cùng trường	Em: Phan Thành Hưng lớp K25ADH1	3.39	Tốt	1,200,000		
150	Trần Đình Lâm	Kiến Trúc	2221438134	K22ADH	Hai anh em học cùng trường	Em: Trần Đình Trường lớp K25CSU KTR	3.59	Xuất Sắc	1,200,000		
151	Ngô Ngọc Quang	Điện- ĐTỬ	2321173808	K23EDT1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Ngô Thị Hoa lớp T22YDHB	2.95	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
152	Thái Phương Triều	Điện- ĐTư	2221172607	K23EDT	Hai anh em học cùng trường	Em: Thái Thị Phương Lam lớp K23NAB2	3.64	Khá	1,200,000		
153	Phan Nguyễn Thanh Tuấn	Điện- ĐTư	2221178486	K22EDT2	Hai anh em học cùng trường	Em: Phan Nguyễn Thanh Tú lớp K24NAD9	2.68	Tốt	800,000		
154	Nguyễn Phước Thắng	Điện- ĐTư	2221162567	K22EVT	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Thủy Tiên lớp K25DLK11	3.65	Tốt	1,200,000		
155	Hà Huy Dương	Điện- ĐTư	24211605425	K24PNU EDD	Hai chị em học cùng trường	Chị: Hà THỊ Mỹ Duyên lớp K23LKT1	2.80	Khá	800,000		
156	Hà Thị Thanh Thanh	M. Trường	2220664952	K22CTP	Hai chị em học cùng trường	Em: Hà Thị Thanh Xuân khóa K26	3.71	Xuất Sắc	1,200,000		
157	Phạm Thành Long	M. Trường	24216506939	K24TNM	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phạm Kim Chi lớp K23PSU QTH3	2.54	Xuất Sắc	800,000		
158	Nguyễn Thị Như Huyền	ĐTQT	2320250498	K23PSU KKT1	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Quang Hiếu lớp K24CMU TPM8	3.06	Tốt	800,000		
159	Nguyễn Quang Hiếu	ĐTQT	24211115193	K24CMU TPM8	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Như Huyền lớp K23PSU KKT1	2.83	Tốt	800,000		
160	Phan Thanh Phú	ĐTQT	24212100175	K24PSU QTH2	Hai vợ chồng học cùng trường	Vợ: Nguyễn Thị Thiên Thanh lớp K25HPQTC	3.92	Xuất Sắc	1,200,000		
161	Nguyễn Thái Thành	ĐTQT	2221622546	K22CSU XDD	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Bích Ngọc lớp K24PSU KKT	3.17	Tốt	800,000		
162	Nguyễn Thị Bích Ngọc	ĐTQT	24202605009	K24PSU KKT	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Thái Thành lớp K22CSU XDD	3.29	Xuất Sắc	1,200,000		
163	Nguyễn Thị Hồng Nhung	ĐTQT	25202510246	K25PSU KKT1	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Văn Nhật lớp K23KKT3	3.37	Tốt	1,200,000		
164	Vô Thị Tú	ĐTQT	24201216454	K24CMU TPM8	Hai chị em học cùng trường	Em: Vô Văn Tiến khóa K26	3.14	Tốt	800,000		
165	Trần Đình Trường	ĐTQT	25214108118	K25CSU KTR	Hai anh em học cùng trường	Anh: Trần Đình Lâm lớp K22ADH	3.02	Tốt	800,000		
166	Lê Đức Tài	ĐTQT	23211210347	K23TPM5	Hai anh em học cùng trường	Anh: Lê Đức Tính lớp K24DLK9	2.58	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
167	Trần Quang Trường	ĐTQT	25211203383	K25TPM5	Hai chị em học cùng trường	Chị: Trần Thị Thùy Dương lớp K24PSU DLH	2.29	Tốt	800,000		
168	Phạm Kim Chi	ĐTQT	2320213491	K23PSU QTH3	Hai chị em học cùng trường	Em: Phạm Thành Long lớp K25TNM	2.99	Tốt	800,000		
169	Trần Ngọc Phong	ĐTQT	2321118087	K23CMU TPM2	Hai anh em học cùng trường	Em: Trần Thị Mỹ Quyên lớp K25PSU DLK3	3.28	Tốt	1,200,000		
170	Phạm Quang Đăng	ĐTQT	25212107432	K25PSU QTH4	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phạm Nguyên Đan lớp K23PSU DLK4	2.48	Tốt	800,000		
171	Hồ Quang Huy	ĐTQT	25211204567	K25CMU TPM8	Hai chị em học cùng trường	Chị: Hồ Minh Thu Sương lớp K23PSU DLK6	2.04	Tốt	800,000		
172	Nguyễn Khánh Ly	ĐTQT	2320123218	K23PSU QTH3	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Khánh Duy lớp K25QTH13	2.94	Tốt	800,000		
173	Nguyễn Quốc Toàn	ĐTQT	2321144725	K23CMU TTT	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Thúy An lớp K24NAB2	2.54	Xuất Sắc	800,000		
174	Nguyễn Thị Phương Yến	ĐTQT	25202117078	K25PSU QTH5	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Phương Hùng lớp K23QTH2	2.64	Tốt	800,000		
175	Nguyễn Thanh Long	ĐTQT	2321120528	K23CMU TPM2	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Long Biên khóa K26	3.86	Xuất Sắc	1,200,000		
176	Phạm Thị Khánh Linh	ĐTQT	23202511129	K23PSU KKT1	Hai chị em học cùng trường	Em: Phạm Thị Khánh Liên lớp K25PSU DLK7	2.76	Xuất Sắc	800,000		
177	Nguyễn Thế Quân	ĐTQT	25214117029	K25CSU KTR	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Anh Quân khóa K26	2.85	Xuất Sắc	800,000		
178	Ngô Văn Xuân Đức	ĐTQT	2321118038	K23CMU TPM7	Hai anh em học cùng trường	Em: Ngô Thị Thu Thảo lớp K25CMU TPM4	3.12	Tốt	800,000		
179	Ngô Thị Thu Thảo	ĐTQT	25201200412	K25CMU TPM4	Hai anh em học cùng trường	Anh: Ngô Văn Xuân Đức K23CMU TPM7	3.11	Xuất Sắc	800,000		
180	Nguyễn Vĩnh Duy	ĐTQT	25211208790	K25CMU TPM7	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Linh Giang khóa K26	3.04	Tốt	800,000		
181	Phạm Tú Bình	Đ.Dưỡng	24205101989	K24YDD3	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phạm Thị Thùy Trang lớp D23YDHAB	2.85	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
182	Nguyễn Hữu Tú	Đ.Dưỡng	2321512586	K23YDD3	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Hữu Tuấn lớp K23YDD3	3.04	Xuất Sắc	800,000		
183	Nguyễn Hữu Tuấn	Đ.Dưỡng	2321512587	K23YDD3	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Hữu Tú lớp K23YDD3	3.13	Xuất Sắc	800,000		
184	Nguyễn Thị Thảo	Đ.Dưỡng	24205115362	K24YDD5	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Hiếu lớp K23YDD3	3.05	Tốt	800,000		
185	Nguyễn Thị Hiếu	Đ.Dưỡng	23205110291	K23YDD3	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Thảo lớp K24YDD5	3.18	Tốt	800,000		
186	Nguyễn Thị Diệu Linh	Đ.Dưỡng	2320512572	K23YDD4	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Diệu Lê lớp K25LKT1	2.92	Tốt	800,000		
187	Phạm Thị Thanh Hương	Đ.Dưỡng	24205108174	K24YDD1	Hai chị em học cùng trường	Em: Phạm Trọng Minh lớp K25QTH10	2.95	Giỏi	800,000		
188	Nguyễn Thanh Ngân	Đ.Dưỡng	2320512771	K23YDD4	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Trung Phước lớp K25DLK12.	2.69	Tốt	800,000		
189	Lê Thị Phương	Đ.Dưỡng	2320514216	K23YDD3	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Thị Thảo Ngân lớp K24YDH6	3.20	Xuất Sắc	1,200,000		
190	Nguyễn Thanh Ngân	Đ.Dưỡng	24205102447	K24YDD6	Hai chị em học cùng trường	Em; Nguyễn Thanh Hà Khóa K26	2.24	Tốt	800,000		
191	Nguyễn Xuân Quỳnh	Đ.Dưỡng	25205107935	K25YDD2	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Khánh Quỳnh lớp K25YDD2	3.77	Xuất Sắc	1,200,000		
192	Nguyễn Khánh Quỳnh	Đ.Dưỡng	25205107953	K25YDD2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Xuân Quỳnh lớp K25YDD2	3.74	Xuất Sắc	1,200,000		
193	Nguyễn Hoàng Cẩm Tú	Đ.Dưỡng	25205104830	K25YDD3	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Hoàng Uyên lớp K23YDH2	2.82	Tốt	800,000		
194	Hà Thị Tường Vi	Đ.Dưỡng	2320511750	K23YDD6	Hai chị em học cùng trường	Em: Hà Thị Trúc Vi lớp K25YDH1	2.56	Tốt	800,000		
195	Nguyễn Thị Diễm My	Đ.Dưỡng	25205116327	K25VJ YDD	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Ngọc Ánh lớp K22YDH6	3.45	Xuất Sắc	1,200,000		
196	Trần Thị Thu Trang	Đ.Dưỡng	2320512778	K23YDD6	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Văn Đạt khóa K26	2.44	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
197	Võ Thị Trà Giang	Đ.Dưỡng	23205110925	K23YDD2	Hai chị em học cùng trường	Em: Võ Thị Việt Sang khóa k26	3.88	Xuất Sắc	1,200,000		
198	Lê Thu Quỳnh	Đ.Dưỡng	24205101953	K24YDD6	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Thị Ngọc Trâm khóa K26	3.03	Tốt	800,000		
199	Lê Thị Thúy Kiều	Dược	2220523223	K22YDH2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Lê Thị Thúy Vân Lớp K22YDH2	3.50	Tốt	1,200,000		
200	Lê Thị Thúy Vân	Dược	2220523216	K22YDH2	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Thị Thúy Kiều lớp K22YDH2	3.63	Tốt	1,200,000		
201	Nguyễn Thành Nghĩa	Dược	2221523194	K22YDH3	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thành Nhân lớp K22YDH3	2.85	Tốt	800,000		
202	Nguyễn Thành Nhân	Dược	2221523195	K22YDH3	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Thành Nghĩa lớp K22YDH3	2.86	Tốt	800,000		
203	Ngô Thị Hoa	Dược	2226521342	T22YDHB	Hai chị em học cùng trường	Em: Ngô Ngọc Quang lớp K23EDT1	2.79	Tốt	800,000		
204	Nguyễn Thị Dương Nhi	Dược	2320520898	K23YDH2	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Dương Khôi lớp K21YDK2	3.08	Giỏi	800,000		
205	Bùi Thu Hương	Dược	2220512695	K22YDH6	Hai chị em học cùng trường	Em: Bùi Thu Hằng lớp K22YDH7	3.38	Xuất Sắc	1,200,000		
206	Bùi Thu Hằng	Dược	2220522938	K22YDH7	Hai chị em học cùng trường	Chị: Bùi Thu Hương lớp K22YDH6	3.39	Tốt	1,200,000		
207	Nguyễn Thị Ngân	Dược	2220522969	K22YDH3	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Việt Cường lớp K24QTH8	2.85	Tốt	800,000		
208	Nguyễn Thúy Hân	Dược	2320668455	K23YDH5	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thúy Hạ lớp K24PSU DLL3	2.20	Tốt	800,000		
209	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	Dược	2320520298	K23YDH2	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Hoàng Cẩm Tú lớp K25YDD3	2.72	Xuất Sắc	800,000		
210	Lê Thị Thảo Ngân	Dược	24205211607	K24YDH6	Hai chị em học cùng trường	Chị: Lê Thị Phương lớp K23YDD3	2.24	Giỏi	800,000		
211	Phạm Thị Thùy Trang	Dược	23265212691	D23YDHAB	Hai chị em học cùng trường	Em: Phạm Tú Bình lớp K24YDD3	2.40	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
212	Dương Huỳnh Hoài Thơ	Dược	24205206428	K24YDH5	Hai chị em học cùng trường	Chị: Dương Huỳnh Hoài Thư lớp K24YDK2	2.74	Tốt	800,000		
213	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Dược	23205211588	K23YDH8	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Hải Thanh lớp K25NAB3	1.99	Tốt	800,000		
214	Ông Lê Miên Diễm	Dược	2320520817	K23YDH10	Hai chị em học cùng trường	Chị: Ông Lê Ái Quỳnh lớp K23QTH14.	2.85	Xuất Sắc	800,000		
215	Phạm Thị Quỳnh Như	Dược	2120524554	K22YDH7	Hai chị em học cùng trường	Em: Phạm Thị Quỳnh Tiên lớp K23YDH1	2.40	Tốt	800,000		
216	Phạm Thị Quỳnh Tiên	Dược	2320525039	K23YDH1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phạm Thị Quỳnh Như lớp K22YDH7	3.44	Xuất Sắc	1,200,000		
217	Nguyễn Đức Trọng	Dược	24215206526	K24YDH1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Ngọc Quỳnh Trân lớp K24YDR1	2.66	Xuất Sắc	800,000		
218	Hà Thị Hồng Như	Dược	24205207889	K24YDH6	Hai chị em học cùng trường	Em: Hà Thị Quỳnh Trang khóa K26	2.81	Tốt	800,000		
219	Võ Diệp Hoàng	Dược	24215210228	K24YDH6	Hai anh em học cùng trường	Anh: Võ Diệp Huy lớp K22XDD1	3.20	Tốt	1,200,000		
220	Nguyễn Thị Hồng Búp	Dược	2226521822	T22YDHAB	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Hồng Na khóa K26	2.02	Khá	800,000		
221	Nguyễn Huỳnh Nhã Trúc	Dược	2326521217	T23YDHA	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Huỳnh Diễm Trinh lớp K25QTN1	2.48	Tốt	800,000		
222	Võ Thị Thúy Diễm	Dược	2220523211	K22YDH1	Hai chị em học cùng trường	Em: Võ Thị Như Quỳnh lớp K25DLL2	3.26	Khá	1,200,000		
223	Lê Thu Hào	Dược	2320520272	K23YDH4	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Xuân Hào lớp K25QTH7	2.42	Tốt	800,000		
224	Hà Thị Trúc Vi	Dược	25205202542	K25YDH1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Hà Thị Tường Vi lớp K23YDD6	3.54	Tốt	1,200,000		
225	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Dược	2220522839	K22YDH6	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Diễm My lớp K25VJ- YDD	2.99	Tốt	800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
226	Nguyễn Thị Như Hiếu	Dược	2320524679	K23YDH5	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Như Thơ khảo K26	3.07	Tốt	800,000		
227	Lê Minh Nhật	Dược	2227521685	T23YDHB	Hai anh em học cùng trường	Em: Lê Đỗ Quyền lớp K25NAD3	2.03	Tốt	800,000		
228	Phan Lê Minh Trí	Dược	2221522780	K22YDH1	Hai anh em học cùng trường	Em: Phan Lê Minh Hoang khóa K26	3.05	Tốt	800,000		
229	Mai Văn Tím	Dược	2221523105	K22YDH9	Hai anh em học cùng trường	Em: Mai Thị Phương Thảo khóa K26	2.75	Xuất Sắc	800,000		
230	Lưu Quốc Huy	Dược	23215210220	K23YDH9	Hai anh em học cùng trường	Em: Lưu Thị Trà My lớp K24PSU DLK2	2.66	Tốt	800,000		
231	Lê Bùi Lan Phương	Dược	23205211055	K23YDH9	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Thị Kiều Anh lớp K25QTH14	3.18	Tốt	800,000		
232	Đỗ Uyên Vy	Dược	2220528638	K22YDH7	Hai chị em học cùng trường	Em: Đỗ Viết Long K25PSU QTH2 (Điểm HT ko đủ đk xét)	2.89	Tốt	800,000		
233	Nguyễn Thanh Huyền	Dược	2320529691	K23YDH5	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thúy Hiền lớp K25NAD4	2.53	Tốt	800,000		
234	Nguyễn Công Anh Minh	Dược	2221528629	K22YDH1	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Thu Hoài khó K26	3.65	Tốt	1,200,000		
235	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Dược	24205208713	K24YDH4	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Bích Ngọc lớp K25HP LKT	2.94	Xuất Sắc	800,000		
236	Nguyễn Dương Khôi	Y	2121534448	K21YDK2	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Dương Nhi lớp K23YDH2	3.69	Tốt	1,200,000		
237	Dương Huỳnh Hoài Thư	Y	24205306429	K24YDK2	Hai chị em học cùng trường	Em: Dương Huỳnh Hoài Thư lớp K24YDH5	3.39	Tốt	1,200,000		
238	Nguyễn Thị Thảo Vy	Y	2320538858	K23YDK2	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Văn An khóa K26	3.51	Tốt	1,200,000		
239	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trân	Y	2320539676	K24YDR1	Hai chị em học cùng trường	Em; Nguyễn Đức Trọng lớp K24YDH1	3.50	Tốt	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
240	Nguyễn Nữ Thanh Ngân	Y	24205311617	K24YDK2	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thanh Bảo Ngọc khóa K26	3.77	Xuất Sắc	1,200,000		
241	Trần Quang Lộc	Y	2221532361	K22YDK4	Hai anh em học cùng trường	Em: Trần Thanh An lớp K25TPM3	3.03	Tốt	800,000		
242	Võ Quốc Dũng	Y	2121534455	K21YDK1	Hai anh em học cùng trường	Em: Võ Phương Nhi lớp K25HP TBM1	3.63	Xuất Sắc	1,200,000		
243	Lê Hồng Uyên	Y	2320530336	K23YDK8	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Hồng Út Thương lớp K25PSU DLK17	3.80	Xuất Sắc	1,200,000		
244	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Y	2320538591	K23YDK1	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Ngọc Hòa lớp K24XDC	3.45	Xuất Sắc	1,200,000		
245	Nguyễn Quốc Hùng	Y	2221532328	K22YDK4	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Quốc Mạnh lớp K24QTD	3.44	Xuất Sắc	1,200,000		
246	Huỳnh Thị Như Ý	Y	24205306447	K24YDK1	Hai chị em học cùng trường	Em: Huỳnh Văn Đức khóa K26	3.41	Tốt	1,200,000		
247	Võ Thị Thu Sương	Tiếng Anh	2320315702	K23NAD1	Hai chị em học cùng trường	Em: Võ Thị Tường Vy lớp K24NTQ2	3.66	Xuất Sắc	1,200,000		
248	Thái Thị Phương Lam	Tiếng Anh	2320315725	K23NAB2	Hai anh em học cùng trường	Anh: Thái Phương Triều lớp K23EDT	2.89	Tốt	800,000		
249	Phạm Quỳnh Hương	Tiếng Anh	25203204333	K25NAD5	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phạm Như Quỳnh lớp K23DLK6 (Ko đủ đk xét đo ĐRL yếu)	3.32	Xuất Sắc	1,200,000		
250	Nguyễn Thị Ái Ly	Tiếng Anh	25203312656	K25NAB5	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Lệ Uyên lớp K23KKT1	3.44	Tốt	1,200,000		
251	Lê Thị Bảo Ngọc	Tiếng Anh	24203116025	K24NAB2	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Thị Bảo Trân lớp K24NAB2	3.48	Tốt	1,200,000		
252	Lê Thị Bảo Trân	Tiếng Anh	24203114069	K24NAB2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Lê Thị Bảo Ngọc lớp K24NAB2	3.48	Tốt	1,200,000		
253	Ng. Phạm Nguyên Khánh	Tiếng Anh	25213112224	K25NAB7	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Phạm Nguyên Thắng lớp K25NTQ19	2.30	Tốt	800,000		
254	Bùi Phạm Bảo Trân	Tiếng Anh	25203215947	K24NAD2	Hai chị em học cùng trường	Em: Bùi Phạm Hồng Phúc khóa K26	3.40	Giỏi	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
255	Trịnh Việt Hà	Tiếng Anh	24213109657	K24NAD2	Hai anh em học cùng trường	Em: Trịnh Việt Hoàng lớp K24HP NAD	2.98	Tốt	800,000		
256	Trịnh Việt Hoàng	Tiếng Anh	24213110224	K24HP NAD	Hai anh em học cùng trường	Anh: Trịnh Việt Hà lớp K24NAD2	2.81	Tốt	800,000		
257	Nguyễn Phú Mạnh	Tiếng Anh	25213209463	K25NAD8	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Bích Trâm lớp K24DLK18(Điểm HT ko đủ đk xét)	3.28	Tốt	1,200,000		
258	Nguyễn Thị Minh Tâm	Tiếng Anh	2320321319	K23NAD7	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Minh Anh Tuấn lớp K25NTQ6	2.63	Giỏi	800,000		
259	Nguyễn Phan Vy Hương	Tiếng Anh	25203112145	K25NAB2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Phan Vy Quỳnh lớp K24DLK5	3.58	Khá	1,200,000		
260	Võ Lê Vi	Tiếng Anh	23203210919	K23NAD5	Hai chị em học cùng trường	Em: Võ Yến Sương lớp K25DLL1	2.92	Giỏi	800,000		
261	Phan Nguyễn Thanh Tú	Tiếng Anh	24213203797	K24NAD9	Hai anh em học cùng trường	Anh: Phan Nguyễn Thanh Tuấn lớp K22EDT2	2.71	Khá	800,000		
262	Lê Trần Tú Uyên	Tiếng Anh	23203110996	K23NAB5	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Xuân Anh Tuấn khoa K26	2.71	Tốt	800,000		
263	Nguyễn Phương Thảo	Tiếng Anh	23203211627	K23NAD6	Hai chị em học cùng trường	Em; Nguyễn Tài Thắng lớp K25QTH10	3.25	Tốt	1,200,000		
264	Lê Đỗ Quyên	Tiếng Anh	25203202344	K25NAD3	Hai anh em học cùng trường	Anh: Lê Minh Nhật lớp T23YDHB	3.01	Khá	800,000		
265	Nguyễn Hải Thanh	Tiếng Anh	25203117244	K25NAB3	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Minh Nguyệt lớp K23TPM8	3.46	Xuất Sắc	1,200,000		
266	Nguyễn Thúy Hiền	Tiếng Anh	25203217152	K25NAD4	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thanh Huyền lớp K23YDH5	3.03	Giỏi	800,000		
267	Nguyễn Thị Thúy Vân	Tiếng Anh	2320321696	K23NAD7	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Thúy Nga lớp K25NTQ17	2.92	Xuất Sắc	800,000		
268	Dương Thanh Thảo	Tiếng Anh	24203113209	K24NAB3	Hai chị em học cùng trường	Em: Dương Văn Tiến khóa K26	2.76	Tốt	800,000		
269	Lê Thị Xuân Phương	Tiếng Anh	24203112479	K24NAB3	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Văn Sơn khóa K26	3.33	Tốt	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
270	Nguyễn Thị Thúy An	Tiếng Anh	24203108619	K24NAB2	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Quốc Toàn lớp K23CMU TTT	3.57	Tốt	1,200,000		
271	Lê Nguyên Thảo My	Tiếng Anh	25203215767	K25NAD3	Hai chị em học cùng trường	Chị: Lê Nguyên Trà My lớp K25NTQ8	3.68	Xuất Sắc	1,200,000		
272	Phan Nguyễn Hoài Liên	Tiếng Anh	24203106952	K24NAB11	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phan Nguyễn Hoài Linh lớp K23NAB2	2.77	Giỏi	800,000		
273	Phan Nguyễn Hoài Linh	Tiếng Anh	2320315709	K23NAB2	Hai chị em học cùng trường	Em: Phan Nguyễn Hoài Liên lớp K24NAB11	3.22	Xuất Sắc	1,200,000		
274	Trần Thị Ánh Ngọc	Tiếng Trung	25207209036	K25NTQ17	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Quang Khoa lớp K25DLK23(Điểm HT ko đủ đk xét)	3.73	Tốt	1,200,000		
275	Ng. Phạm Nguyễn Thắng	Tiếng Trung	25213314332	K25NTQ19	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Phạm Nguyên Khánh lớp K25NAB7	2.53	Tốt	800,000		
276	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Tiếng Trung	25217107082	K25NTQ16	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Minh Tâm lớp K23NAD7	3.44	Tốt	1,200,000		
277	Võ Thị Tường Vy	Tiếng Trung	24203115492	K24NTQ2	Hai chị em học cùng trường	Chị Võ Thị Thu Sương lớp K23NAD1	3.59	Tốt	1,200,000		
278	Võ Thị Bích Diễm	Tiếng Trung	25203311018	K25NTQ12	Hai anh em học cùng trường	Anh: Võ Văn Thanh Lâu lớp K23DLK15	3.76	Tốt	1,200,000		
279	Trương Thị Thúy Nga	Tiếng Trung	25203301943	K25NTQ3	Hai chị em học cùng trường	Chị: Trương Thị Thúy Ngân lớp K23PSU DLK12	3.58	Chưa	1,200,000		
280	Nguyễn Thị Thúy Nga	Tiếng Trung	25213304752	K25NTQ17	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Thúy Vân lớp K23NAD7	3.16	Khá	800,000		
281	Lương Thị Tường Vi	Tiếng Trung	24203301733	K24NTQ5	Hai chị em học cùng trường	Chị: Lương Thị Hương Dịu lớp K23LKT6	3.61	Giỏi	1,200,000		
282	Nguyễn Thị Hồng Quý	Tiếng Trung	25203313807	K25NTQ14	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Nguyễn Hoàn lớp K23DLL1	3.38	Khá	1,200,000		
283	Lê Nguyên Trà My	Tiếng Trung	25203315777	K25NTQ8	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Nguyên Thảo My lớp K25NAD3	3.06	Tốt	800,000		
284	Nguyễn Thị Hợp	Tiếng Trung	25203316659	K25NTQ4	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Hà lớp K24KDN2	3.51	Tốt	1,200,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
285	Nguyễn Thị Như Ý	Luật	24208606235	K24LKT2	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Viết Nhật khóa K26	3.01	Tốt	800,000		
286	Trần Hồ Ái Hậu	Luật	25208617357	K25HP LKD	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Văn Toàn khóa K26	3.55	Tốt	1,200,000		
287	Nguyễn Diệu Lê	Luật	25208601880	K25LKT1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Diệu Linh lớp K23YDD4	3.52	Tốt	1,200,000		
288	Nguyễn Thị Cẩm Chi	Luật	24208701629	K24LTH	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Hoài Nam khóa K26	3.60	Tốt	1,200,000		
289	Nguyễn Thị Nữ Nhi	Luật	2320864050	K23LKT3	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Nhi Nữ lớp K23QTH4	2.90	Khá	800,000		
290	Huỳnh Thị Kim Liên	Luật	23208610008	K23LKT1	Hai chị em học cùng trường	Em: Huỳnh Phú Tài lớp K25PNU EDC (Điểm HT ko đủ đk xét)	3.21	Tốt	1,200,000		
291	Hà Thị Mỹ Duyên	Luật	2320377823	K23LKT1	Hai chị em học cùng trường	Em: Hà Huy Dương lớp K24PNU EDD	2.91	Tốt	800,000		
292	Lương Thị Hương Dịu	Luật	2320860705	K23LKT6	Hai chị em học cùng trường	Em: Lương Thị Tường Vi lớp K24NTQ5	2.63	Xuất Sắc	800,000		
293	Trần Thị Hà	Luật	24202115750	K24LKT1	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Văn Linh khó K26	3.30	Xuất Sắc	1,200,000		
294	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Luật	25208613134	K25HP LKT	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Ngọc Anh lớp K24YDH4	3.58	Xuất Sắc	1,200,000		
295	Đặng Thị Mỹ Lợi	XHNV	25203702960	K25VTD1	Hai anh em học cùng trường	Anh: Đặng Hoàng Hiệp lớp K23DLK15 (ko đủ đk xét)	3.14	Xuất Sắc	800,000		
296	Nguyễn Thị Hải Yến	XHNV	2220354021	K22VQH	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Hải Quân lớp K25QTH9	3.21	Tốt	1,200,000		
297	Phan Thị Phương Thúy	XHNV	2320717363	K23VTD	Hai chị em học cùng trường	Em: Phan Nguyễn Nho Thịnh lớp K25TPM4	2.80	Tốt	800,000		
298	Phạm Ngọc Thiên Tâm	XHNV	25203115882	K25VQH2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phạm Ngọc Thủy Tiên lớp K25NAB1T (Điểm ko đủ đk xét)	2.75	Xuất Sắc	800,000		
									286,800,000		

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB NH 2019-2020	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ	Ghi chú
ĐỐI TƯỢNG 8: Con, em ruột của cán bộ, GV đang công tác tại Trường											
1	Lương Ngọc Minh	Viện DL	24217100578	K24DLK1	Con ruột cán bộ trong trường	Mẹ: Trần Thị Minh Giang đang công tác tại khoa Tiếng Anh	3.62	Tốt	800,000		
2	Võ Đức Nghĩa	Viện DL	25217105994	K25PSU DLK5	Em ruột cán bộ trong trường	Anh: Võ Đức Hiếu đang công tác tại Viện Du Lịch	3.06	Tốt	400,000		
3	Nguyễn Ngọc Trường	CNTT	25217201158	K25TPM2	Em ruột cán bộ trong trường	Chị: Nguyễn Thị Hoài Giang đang công tác tại tổ Y Tế	3.24	Giỏi	800,000		
4	Nguyễn Thị Thục Hiền	Dược	2320528973	K23YDH1	Em ruột cán bộ trong trường	Chị: Nguyễn Thu Thảo đang công tác tại khoa Dược	3.73	Xuất Sắc	800,000		
5	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Dược	23265212693	D23YDHAB	Con ruột cán bộ trong trường	Me: Phan Thị Là đang công tác Tổ phục vụ.	3.01	Tốt	400,000		
6	Hoàng Thanh Hằng	Dược	2320529129	K24YDH8	Con ruột cán bộ trong trường	Ba: Hoàng Hà đang công tác tại khoa Y	2.88	Tốt	400,000		
7	Trần Ngọc Khánh	Y	2121534447	K21YDK1	Con ruột cán bộ trong trường	Mẹ: Võ Thị Hà Hoa đang công tác tại Khoa Y	3.26	Tốt	800,000		
8	Phùng Thị Khánh Huyền	Đ.Dưỡng	2320711414	K23YDD1	Em ruột cán bộ trong trường	Chị: Phùng Thị Khánh Ly đang công tác tại khoa Dược	2.60	Tốt	400,000		
9	Phạm Thị Nhung	Tiếng Anh	25203107184	K25NAB8	Em ruột cán bộ trong trường	Chị: Phạm Thị Thảo đang công tác tại khoa Điều Dưỡng	3.74	Xuất Sắc	800,000		
									5,600,000		

Tổng cộng: 626 sinh viên.

674,500,000

P. CÔNG TÁC SINH VIÊN

P. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 01 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

TS.Lê Nguyên Bảo